

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thị Thanh Mai
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Đức Kiên

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI TÙNG ANH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Thanh Mai
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Đức Kiên**

HẢI PHÒNG - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Thanh Mai

Mã SV:1312402020

Lớp: QT1703K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải
Tùng Anh.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP. ...	3
1.1. Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.....	3
1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu.....	4
1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu	5
1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	6
1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.	6
1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	6
1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	10
1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán	11
1.5.4. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp.....	16
1.5.4.1. Kế toán chi phí bán hàng	16
1.5.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	16
1.6. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.....	19
Lỗ do bán ngoại tệ.....	21
1.7. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác	22
1.8. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.....	25
1.9. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán	27
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI TÙNG ANH	33
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh.	33
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh.....	33
2.1.2. Đặc điểm hàng hóa, tổ chức kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh.....	34

2.1.3. Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh.....	34
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh.....	35
2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh.....	37
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh.....	40
2.2.1. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh.....	40
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	40
2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	53
2.2.1.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	60
2.2.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh.....	67
2.2.3. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận Tải Tùng Anh.....	71
2.2.4. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận Tải Tùng Anh.....	71
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI TÙNG ANH.....	83
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh.....	83
3.1.1. Ưu điểm.....	83
3.1.2. Hạn chế.....	84
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh.....	85
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh.....	85
3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh.....	86
3.4.1. Kiến nghị 1: Trích trước chi phí sẫm lốp.....	86
3.4.2. Kiến nghị 2: Ứng dụng công nghệ thông tin.....	86

3.4.3. Kiến nghị 3: Mở sổ chi tiết Doanh thu, chi phí kinh doanh phục vụ xác định kết quả kinh doanh theo từng hàng hóa, dịch vụ.	91
3.4.4. Kiến nghị 4: Tiền lương căn cứ trích các khoản theo lương cho người lao động.	94
3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh.	96
3.5.1. Về phía Nhà nước.....	96
3.5.2. Về phía doanh nghiệp.....	96
KẾT LUẬN	97
TÀI LIỆU THAM KHẢO	98

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	9
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	11
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	14
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	15
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp	18
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.....	20
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính.....	21
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập hoạt động khác	23
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí hoạt động khác	24
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.....	26
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung	28
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký Sổ cái	29
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.....	30
Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	31
Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy	32
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh	35
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ phận Kế toán trong công ty TNHH Dịch Vụ và Vận Tải Tùng Anh.....	37
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung tại công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh.....	39

DANH MỤC BẢNG, BIỂU

Bảng 2.1: Một số chỉ tiêu tài chính tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh.....	33
Biểu số 2.1. Hoá đơn GTGT số 0000201.....	41
Biểu số 2.2. Trích Bảng kê số 01/12.....	42
Biểu số 2.3: Phiếu thu số 12-001.....	43
Biểu số 2.4: Hoá đơn GTGT số 0000207.....	45
Biểu số 2.5: Trích Bảng kê số 07/12.....	46
Biểu số 2.6: Giấy báo có của ngân hàng Á Châu.....	47
Biểu số 2.7: Hoá đơn GTGT số 0000210.....	49
Biểu số 2.8: Trích Bảng kê số 10/12.....	50
Biểu số 2.9: Trích sổ nhật ký chung.....	51
Biểu số 2.10: Trích sổ cái TK511.....	52
Biểu số 2.11: Trích sổ cái Tài Khoản 621.....	54
Biểu số 2.12: Trích sổ cái Tài Khoản 622.....	55
Biểu số 2.13: Trích sổ cái Tài Khoản 627.....	56
Biểu số 2.14: Phiếu kế toán số 18.....	57
Biểu số 2.15. Trích sổ nhật ký chung.....	58
Biểu số 2.16: Trích sổ cái Tài khoản 632.....	59
Biểu số 2.17: Hoá đơn GTGT số 0000083.....	61
Biểu số 2.18. Phiếu chi số 12-25.....	62
Biểu số 2.19 : Bảng phân bổ tiền lương và BHXH.....	63
Biểu số 2.20: Bảng tính và phân bổ khấu hao.....	64
Biểu số 2.21: Trích sổ nhật ký chung.....	65
Biểu số 2.22: Trích sổ cái TK642.....	66
Biểu số 2.23: Giấy báo có của ngân hàng Á Châu.....	68
Biểu số 2.24:Trích sổ nhật ký chung.....	69
Biểu số 2.25: Trích sổ cái TK515.....	70
Biểu số 2.26. Phiếu kế toán số 19.....	72
Biểu số 2.27: Phiếu kế toán số 20.....	73
Biểu số 2.28: Phiếu kế toán số 21.....	74
Biểu số 2.29. Phiếu kế toán số 22.....	75
Biểu số 2.30. Phiếu kế toán số 23.....	76
Biểu số 2.31: Trích sổ nhật ký chung.....	77

Biểu số 2.32. Trích sổ cái TK911	78
Biểu số 2.33: Trích sổ cái TK821	79
Biểu số 2.34: Trích sổ cái TK421	80
Biểu số 2.35. Trích bảng cân đối số phát sinh	81
Biểu số 2.36: Bảng báo cáo kết quả kinh doanh	82
Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng.....	92
Biểu số 3.2: Sổ chi phí kinh doanh	93
Biểu số 3.3: Bảng trích các khoản theo lương Hợp đồng	95

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Chúng ta đều nhìn nhận được rằng nền kinh tế Việt Nam đang trên đà phát triển và đã có những bước tiến vượt bậc trong vài năm trở lại đây. Việc tham gia vào các tổ chức lớn giúp cho Việt Nam khẳng định được vị thế của mình trên trường quốc tế cả về văn hóa, chính trị, và kinh tế xã hội. Trong lĩnh vực kinh tế, các doanh nghiệp Việt Nam ngoài những cơ hội mới còn phải đối mặt với những khó khăn và thách thức mới, đặc biệt là sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp trong nước, công ty liên doanh và công ty nước ngoài. Tình thế đó đòi hỏi tất cả các doanh nghiệp phải có những định hướng kinh doanh linh hoạt để tồn tại và phát triển. Cùng với đó là quá trình hoạt động không ngừng của bộ máy kế toán bên trong các doanh nghiệp, kế toán cung cấp các thông tin kinh tế, tài chính hữu ích cho các đối tượng trong việc ra quyết định kinh tế hợp lý và hiệu quả. Vì vậy đòi hỏi thông tin kế toán phải trung thực, lành mạnh và đáng tin cậy nhằm giúp người sử dụng thông tin kế toán đưa ra được các quyết định đúng đắn. Thông qua Báo cáo tài chính cuối niên độ, cụ thể là Báo cáo kết quả kinh doanh Ban giám đốc có thể nắm rõ tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình sau một năm là lãi hay lỗ, phân tích nguyên nhân kết quả đạt được, từ đó đề ra những chiến lược và quyết định kinh doanh một cách đúng đắn trong thời gian tới.

Nhận thức được tầm quan trọng đó và dựa trên cơ sở kiến thức tích lũy được trong thời gian học tập ở trường cùng với sự giúp đỡ của giáo viên Nguyễn Đức Kiên và các kinh nghiệm học hỏi được trong quá trình thực tập tại công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh, được sự giúp đỡ tạo điều kiện của phòng kế toán. Em đã chọn đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh”** làm đề tài khóa luận của mình.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.
- Mô tả và phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu: Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
- Phạm vi nghiên cứu: Tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp kế toán
- Phương pháp thống kê và so sánh
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu

5. Kết cấu của khóa luận

Kết cấu của khóa luận gồm 03 chương:

Chương 1 : Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh.

Chương 3 : Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh.

CHƯƠNG 1**LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP.****1.1. Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp**

**Bán hàng*: là quá trình doanh nghiệp chuyển giao hàng hóa của mình cho khách hàng và khách hàng trả tiền hay chấp nhận trả tiền cho doanh nghiệp.

**Sản phẩm sản xuất*: là sản phẩm tự làm ra để sử dụng, hay để trao đổi trong thương mại

**Sản phẩm tiêu thụ*: là thực hiện mục đích của sản xuất hàng hóa, là đưa sản phẩm từ nơi sản xuất tới nơi tiêu dùng. Nó là khâu lưu thông hàng hoá, là cầu nối trung gian giữa một bên là sản xuất và phân phối và một bên là tiêu dùng.

* *Doanh thu*: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

* *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ*: là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng đã trừ các khoản giảm trừ (chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán...) trong kỳ báo cáo, làm căn cứ tính kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

**Thời điểm ghi nhận doanh thu*: doanh thu được ghi nhận chỉ khi doanh nghiệp được đảm bảo nhận lợi ích kinh tế từ giao dịch.

**Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp*

- Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh: là hoạt động sản xuất, tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm

+ Hoạt động tài chính: là các hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn hoặc dài hạn với mục đích sinh lời.

+ Hoạt động khác: là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

- Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp: là kết quả hoạt động tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ và hoạt động tài chính được biểu hiện qua chỉ tiêu lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh.

1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu

- *Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:*
 - Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:
 - + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
 - + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa
 - + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
 - + Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
 - + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng
- *Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:*
 - Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:
 - + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
 - + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó
 - + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán
 - + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- *Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia*
 - Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 2 điều kiện sau:
 - + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
 - + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- *Thu nhập khác*

Thu nhập khác quy định trong chuẩn mực 14 bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm:

 - Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;
 - Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
 - Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
 - Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;

- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập;
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;
- Các khoản thu khác.

1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).
 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần mà doanh nghiệp thực hiện được trong kỳ kế toán có thể thấp hơn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi nhận ban đầu.
 - Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.
 - Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán. (Bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu)
 - Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.
 - Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.
 - Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.
 - Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.
 - Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Nhiệm vụ của kế toán doanh thu:

Phản ánh, ghi chép đầy đủ sự biến động của các loại hàng hóa, dịch vụ bán ra đồng thời tính toán, hạch toán chính xác từng loại doanh thu.

- Nhiệm vụ của kế toán chi phí:

Ghi chép, phản ánh chi tiết, kịp thời chính xác các khoản giảm trừ doanh thu, chi phí phát sinh trong kỳ của doanh nghiệp.

- Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh:

Tính toán, kết chuyển chính xác doanh thu thuần, chi phí nhằm xác định kết quả hoạt động kinh doanh đúng đắn đồng thời theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước của doanh nghiệp.

1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.**1.5.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.**

- *Các phương thức tiêu thụ hàng chủ yếu trong các doanh nghiệp*

- Phương thức bán hàng trực tiếp:

Là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho, tại các phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị mất quyền sở hữu về số hàng này.

- Phương thức gửi hàng đi bán:

Theo phương thức này bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì số hàng chấp nhận này mới được coi là tiêu thụ

- Phương thức hàng đổi hàng:

Là phương thức sản xuất sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ đổi lấy vật tư, hàng hóa, TSCĐ không tương tự để sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng để đổi lấy vật tư, hàng hóa, TSCĐ khác theo giá bán chưa có thuế GTGT.

- Phương thức bán hàng đại lý, ký gửi:

Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý, ký gửi (gọi là bên đại lý) để bán. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:

Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi suất trả chậm.

- Phương thức tiêu thụ nội bộ:

Là việc mua - bán sản phẩm, hàng hóa, lao vụ dịch vụ giữa đơn vị chính và đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một công ty, tổng công ty, tập đoàn, liên hiệp xí nghiệp... Ngoài ra, được coi là tiêu thụ nội bộ còn bao gồm các khoản sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ xuất, biếu, tặng, trả lương, trả thưởng, xuất dùng cho hoạt động kinh doanh.

- *Chứng từ sử dụng*

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan.

- *Tài khoản sử dụng*

- Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này được sử dụng để phản ánh tổng số doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp trong kỳ và các khoản giảm trừ doanh thu.

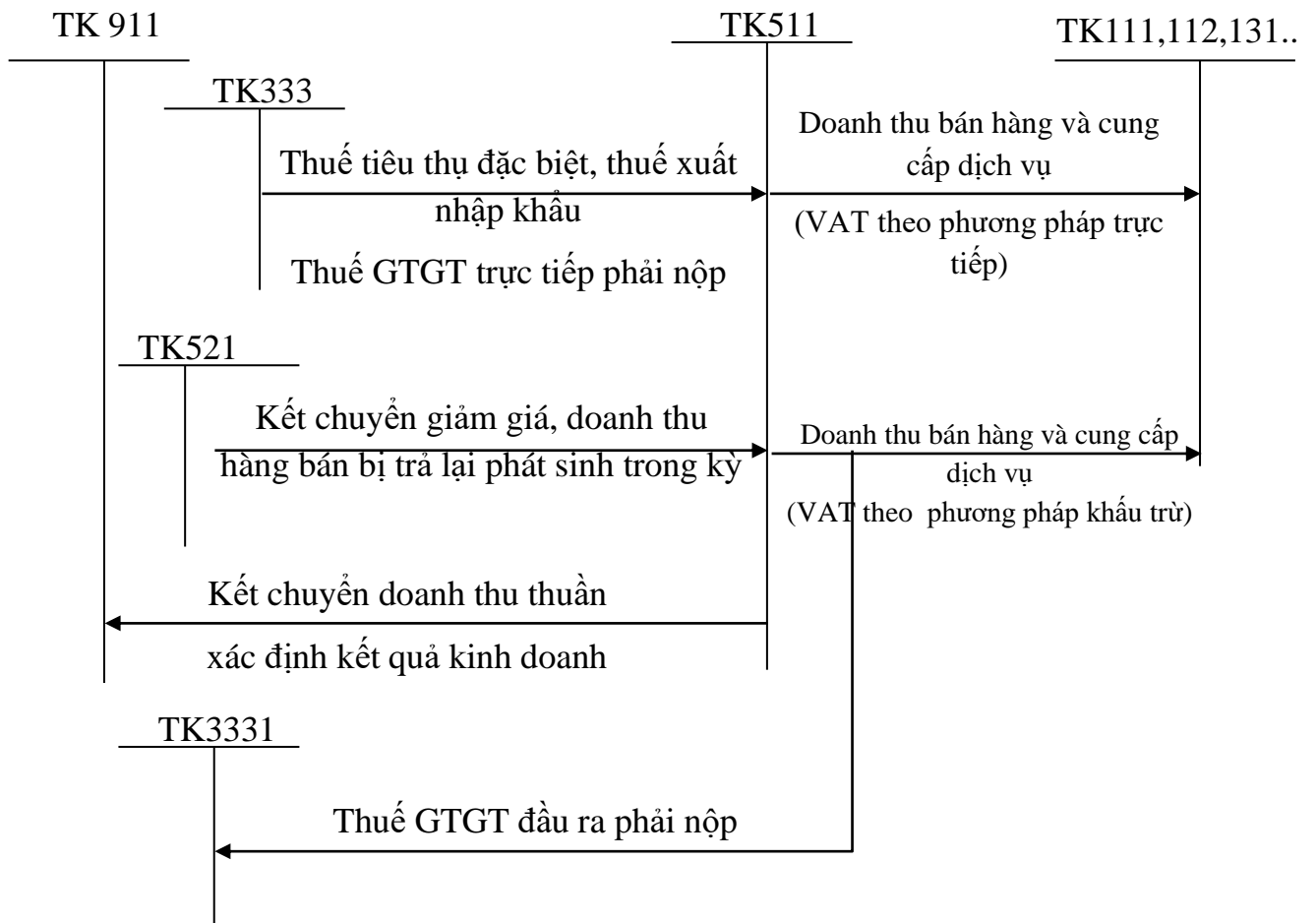
Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ và có 6 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- + Tài khoản 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- + Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + Tài khoản 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- + Tài khoản 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- + Tài khoản 5118: Doanh thu khác

Kết cấu TK 511

Nợ	511	Có
<ul style="list-style-type: none">- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu hoặc thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp của hàng bán trong kỳ kế toán.- Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán đã kết chuyển cuối kỳ.- Trị giá hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.- Kết chuyển Doanh thu thuần hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh	<ul style="list-style-type: none">- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của DN thực hiện trong kỳ hạch toán.	

• Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.5.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

- *Chứng từ sử dụng*
 - Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng
 - Phiếu chi
 - Giấy báo nợ của ngân hàng
 - Các chứng từ khác có liên quan.
- *Tài khoản sử dụng*
 - Tài khoản 521: Các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản này dùng để phản ánh toàn bộ số tiền giảm trừ cho người mua hàng được tính giảm trừ vào doanh thu hoạt động kinh doanh: chiết khấu thương mại, giá trị hàng bán bị trả lại, và các khoản giảm giá hàng bán cho người mua trong kỳ.

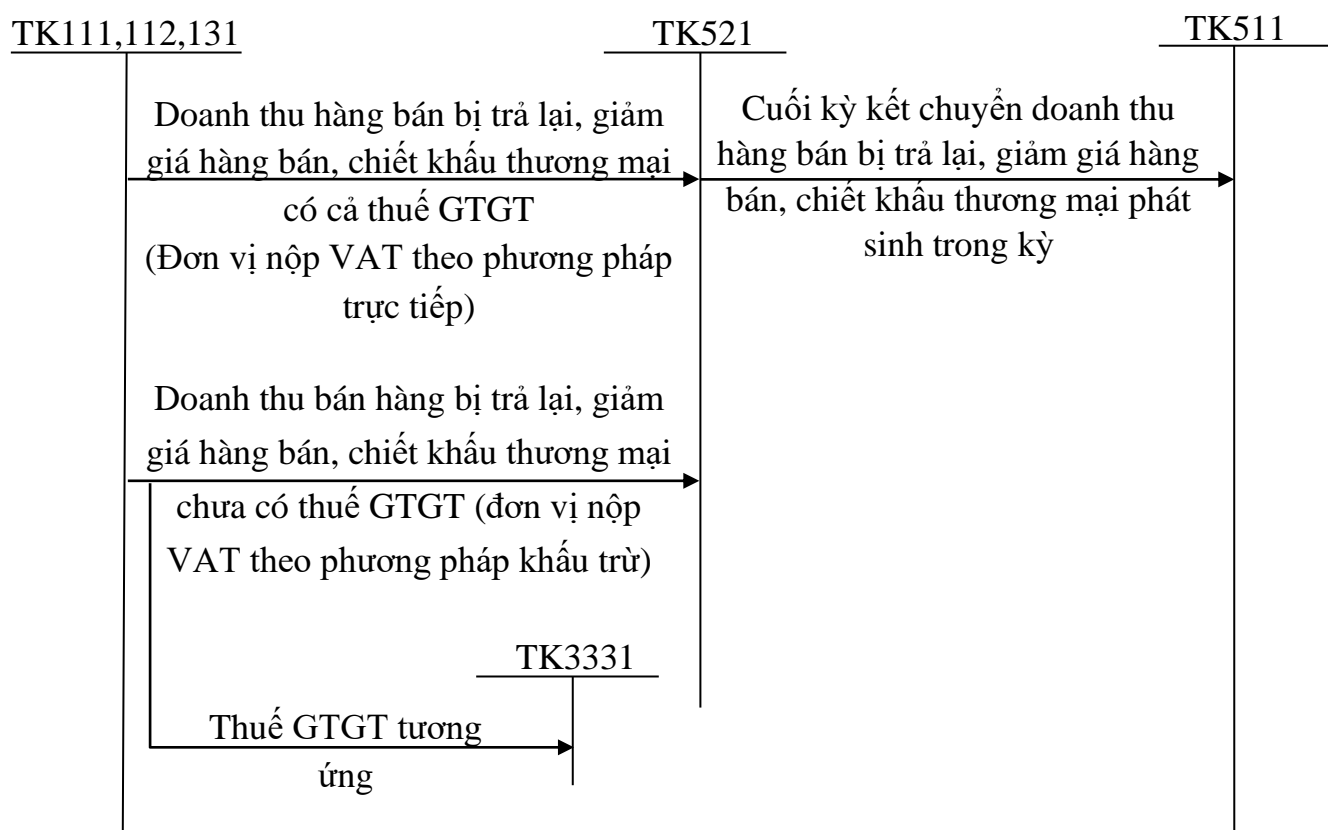
TK 521 có số phát sinh tăng bên Nợ, phát sinh giảm bên Có; không có số dư cuối kỳ và có 3 tài khoản cấp 2:

- + TK 5211: Chiết khấu thương mại
- + TK 5212: Hàng bán bị trả lại
- + TK 5213: Giảm giá hàng bán

- Kết cấu tài khoản:

Nợ	521	Có
+ Trị giá của hàng bán bị trả lại. + Các khoản giảm giá hàng bán phát sinh. + Các khoản chiết khấu thương mại phát sinh.	+ Kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ sang TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.	

• *Phương pháp hạch toán*



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.5.3. Kế toán giá vốn hàng bán

- Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho
- Phương pháp bình quân gia quyền

Giá trị từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình doanh nghiệp.

+ Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ của hàng I} = \frac{\text{Giá thực tế hàng I tồn đầu kỳ} + \text{Giá thực tế hàng I nhập kho trong kỳ}}{\text{Lượng thực tế hàng I tồn đầu kỳ} + \text{Lượng thực tế hàng I nhập kho trong kỳ}}$$

+ Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn):

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau lần nhập j của hàng I} = \frac{\text{Giá thực tế tồn kho sau lần nhập j của hàng I}}{\text{Lượng thực tế tồn kho sau lần nhập j của hàng I}}$$

- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ. Giá trị hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho. Phương pháp này thường được áp dụng trong trường hợp giảm phát.

- Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này giá của từng mặt hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho đến lúc xuất kho. Khi xuất kho mặt hàng nào thì tính theo giá đích danh của mặt hàng đó

- Phương pháp bán lẻ:

Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác. Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

- *Chứng từ và tài khoản sử dụng*

- Chứng từ sử dụng:

+ Phiếu xuất kho

+ Hóa đơn GTGT (trường hợp mua bán thẳng)

- Tài khoản sử dụng

TK632: Giá vốn hàng bán

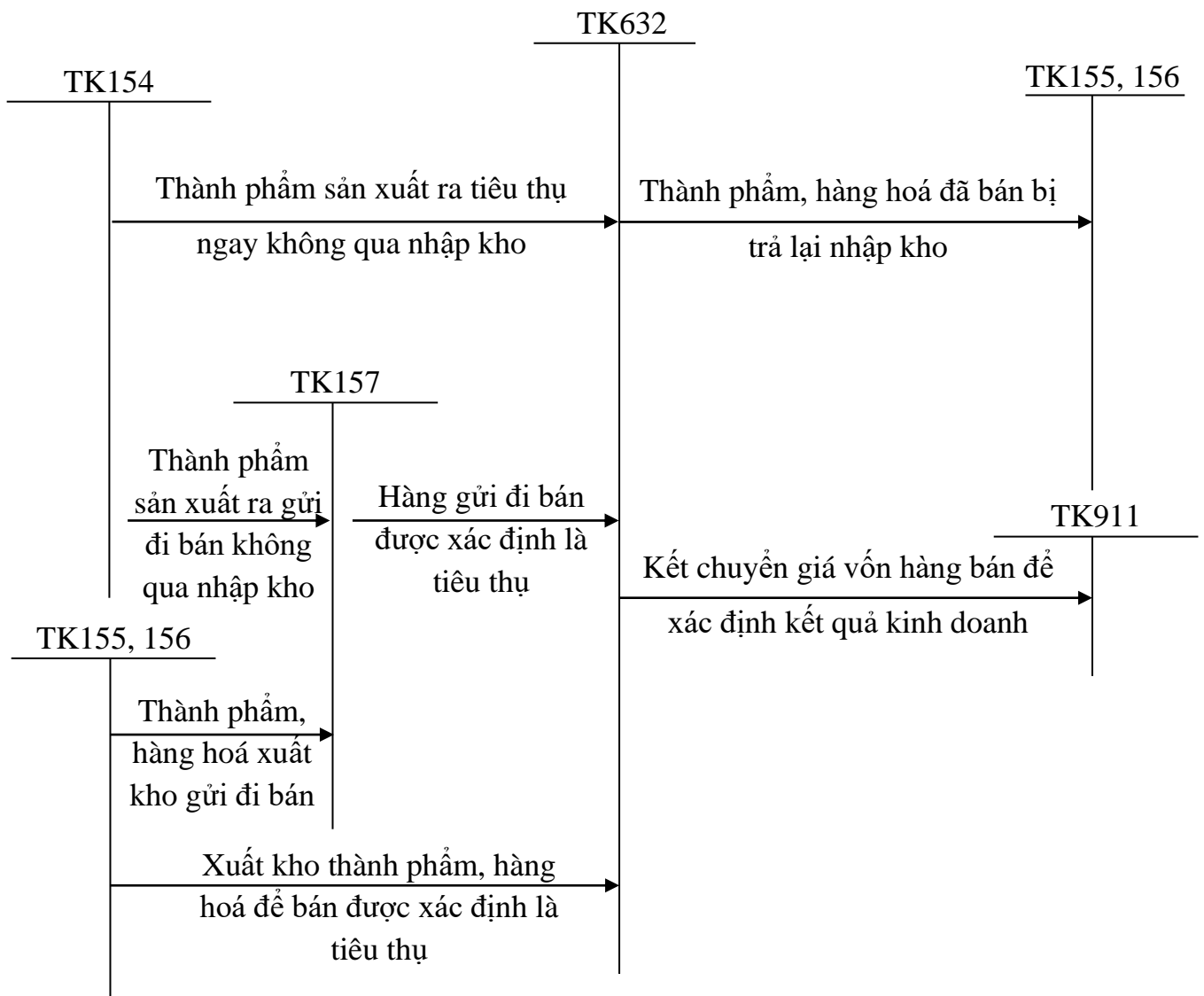
Là tài khoản dùng để theo dõi trị giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, lao vụ, dịch vụ xuất bán trong kỳ. Giá vốn hàng bán có thể là giá thành công xưởng thực tế của lao vụ dịch vụ hoặc trị giá mua thực tế của hàng hóa tiêu thụ.

- *Kết cấu Tài khoản 632*

- Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

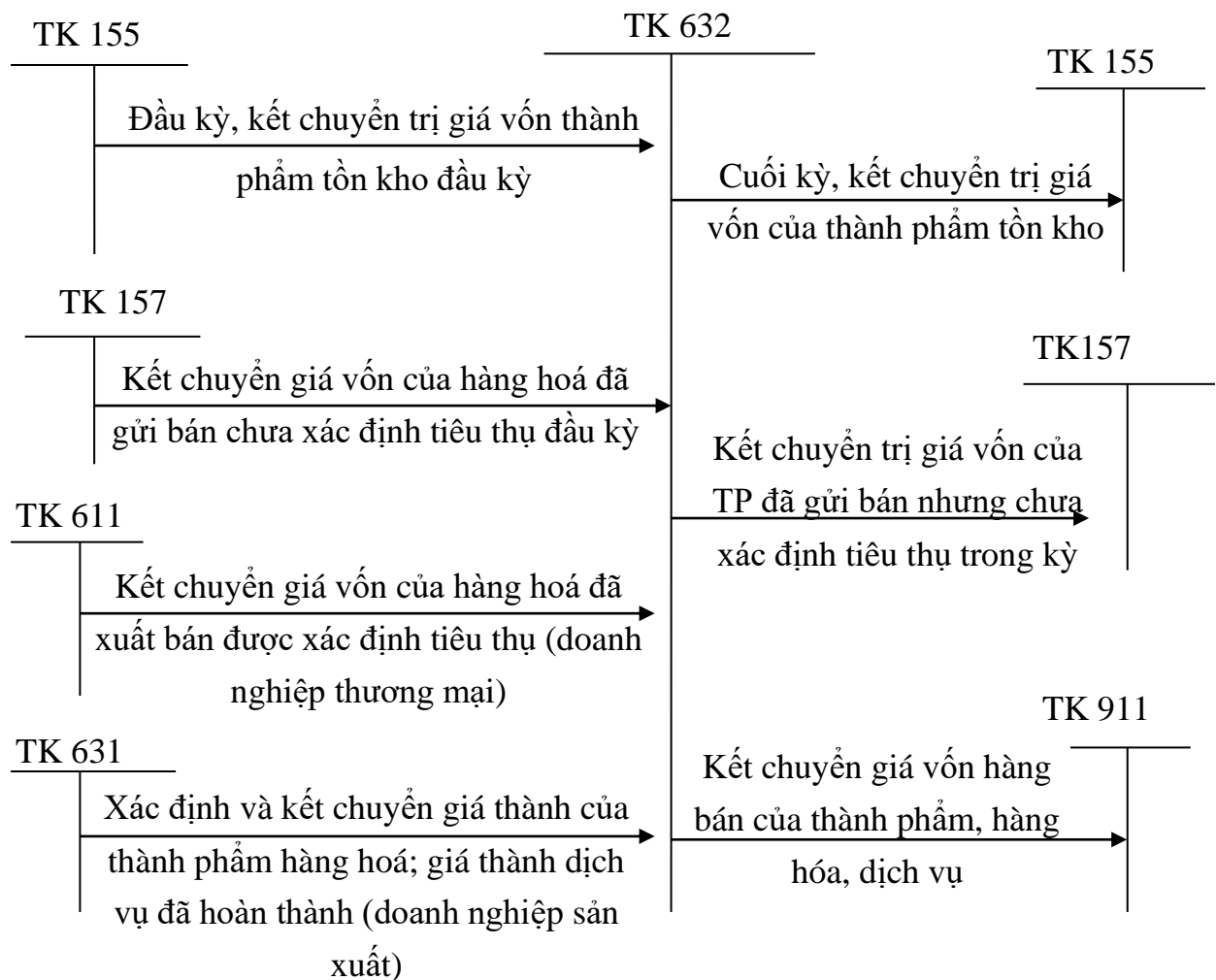
Bên Nợ	632	Bên Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ - Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “xác định kết quả kinh doanh” - Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh. - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho - Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ

- *Phương pháp hạch toán*
- Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.5.4. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

1.5.4.1. Kế toán chi phí bán hàng

- *Chứng từ sử dụng*

- + Hoá đơn GTGT, hóa đơn bán hàng
- + Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu
- + Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- + Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- + Các chứng từ khác có liên quan.

- *Tài khoản sử dụng*

- Tài khoản 641: Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bao gồm: chi phí bảo quản, chi phí quảng cáo, đóng gói, vận chuyển, giao hàng, bảo hành sản phẩm, hoa hồng bán hàng ...

- Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ và có 7 tài khoản cấp 2:

- + TK 6411: Chi phí nhân viên.
- + TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.
- + TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- + TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- + TK 6415: Chi phí bảo hành.
- + TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- + TK 6418: Chi phí bằng tiền khác.

1.5.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

- *Chứng từ sử dụng*

- + Hóa đơn GTGT
- + Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- + Bảng khấu hao TSCĐ
- + Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội.
- + Các chứng từ gốc có liên quan.

- *Tài khoản sử dụng*

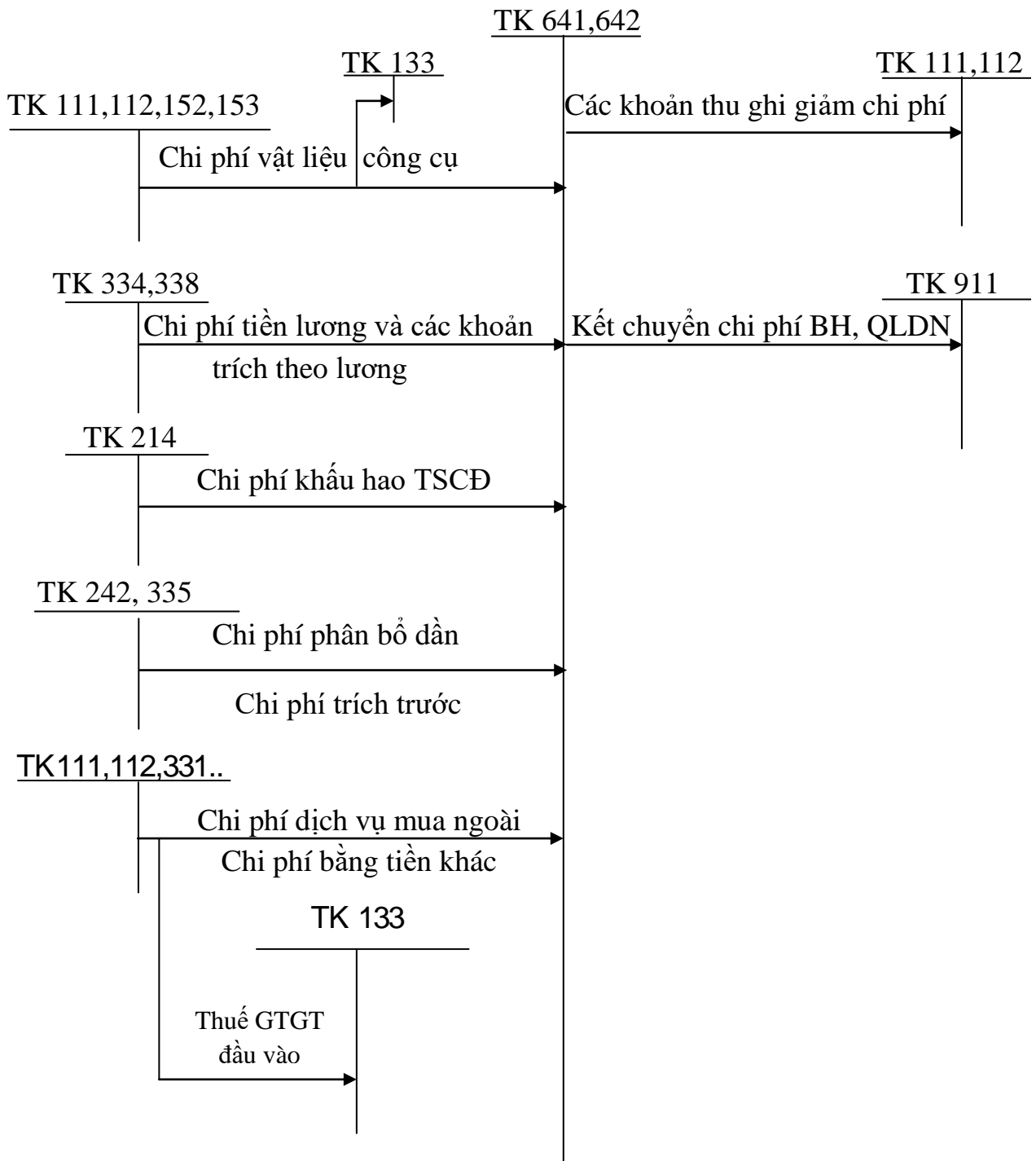
- Tài khoản 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp, bao gồm: chi phí hành chính, tổ chức, văn phòng, các chi phí chung khác liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

- TK 642 không có số dư cuối kỳ và có 8 tài khoản cấp 2
 - + TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.
 - + TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
 - + TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
 - + TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ.
 - + TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.
 - + TK 6426: Chi phí dự phòng
 - + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
 - + TK 6428: Chi phí bằng tiền khác
- *Kết cấu tài khoản 641, 642*

Nợ	641, 642	Có
- Chi phí BH,QLDN phát sinh trong kỳ	- Các khoản ghi giảm chi phí BH,QLDN trong kỳ - Kết chuyển chi phí BH,QLDN vào TK911	

- Phương pháp hạch toán TK 641, 642



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp

1.6. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

- *Chứng từ sử dụng*
- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan.

- *Tài khoản sử dụng*
- **TK515:** Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Tiền lãi, thu nhập từ cho thuê tài sản, cổ tức, lợi nhuận được chia; thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Thu nhập về các khoản đầu tư khác, ...

Kết cấu TK 515

Nợ	515	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có) - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK911 		<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ

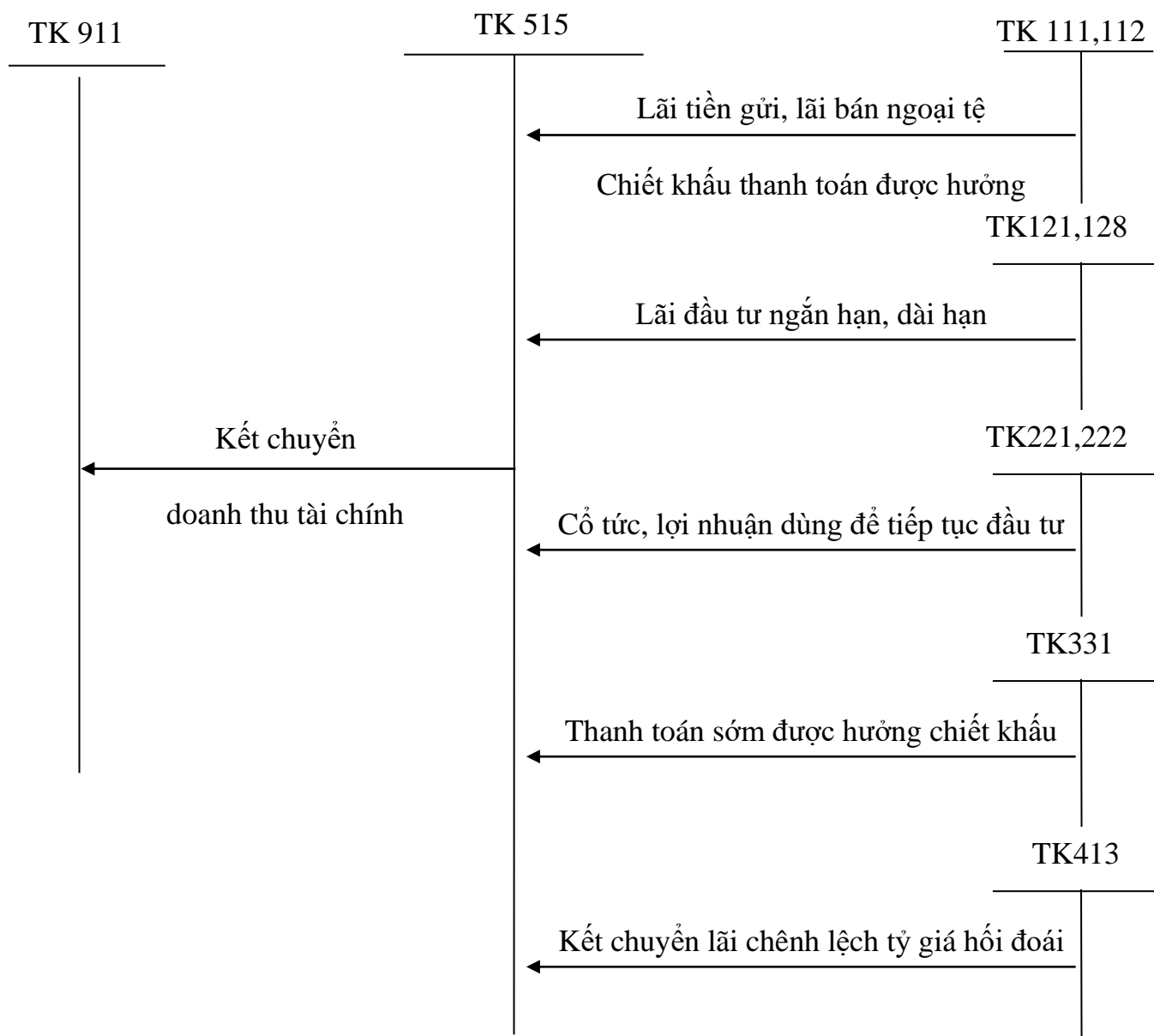
- **TK635:** Chi phí tài chính

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý các nguồn vốn, tăng thêm thu nhập và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết cấu TK 635

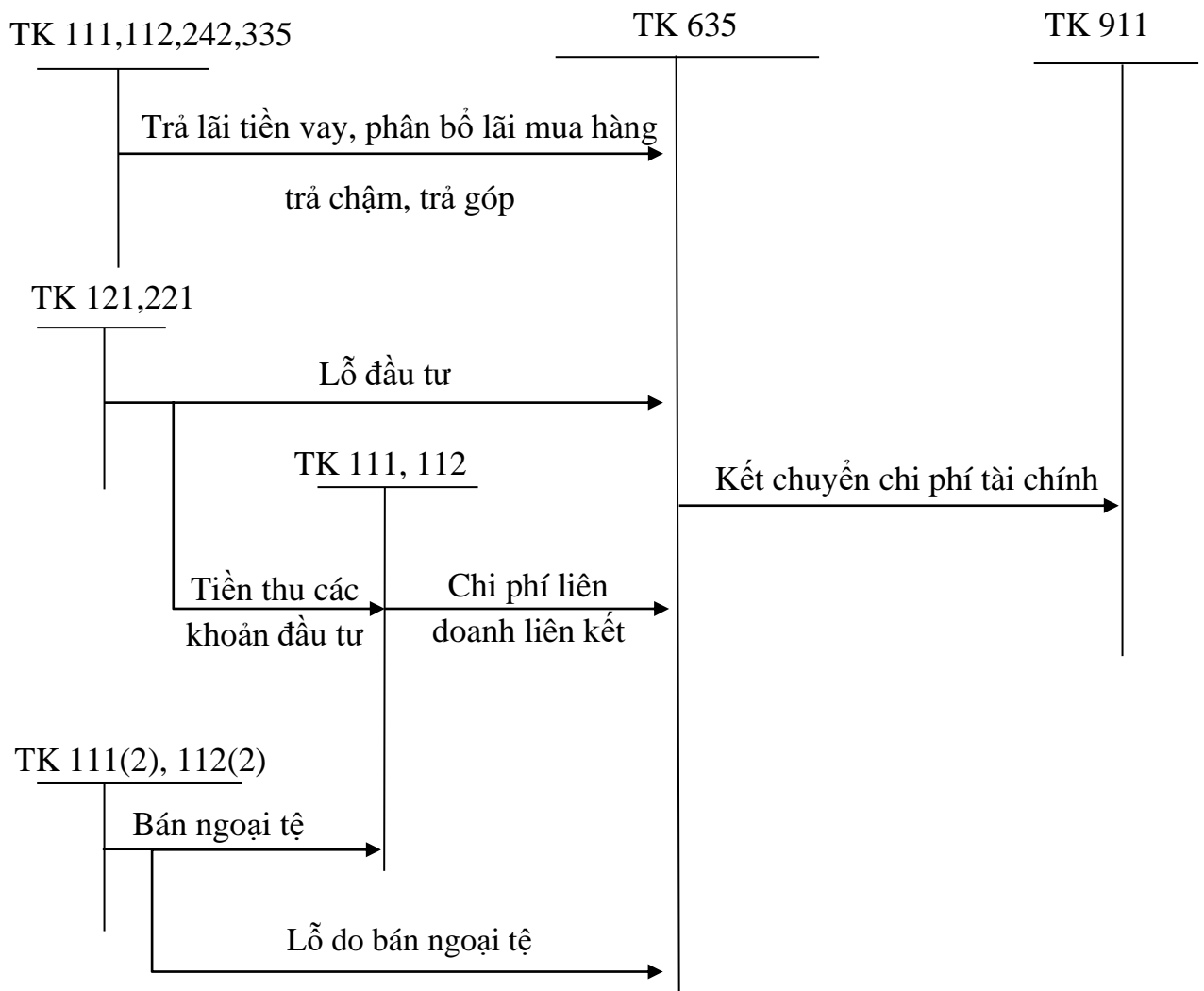
Nợ	635	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản chi phí hoạt động đầu tư tài chính phát sinh trong kỳ 		<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán - Kết chuyển chi phí tài chính sang TK911

- *Phương pháp hạch toán*
- Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

- Phương pháp hạch toán chi phí tài chính



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí tài chính

1.7. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác

- *Chứng từ sử dụng*
- Phiếu thu, phiếu chi
- Biên bản bàn giao, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định
- Các chứng từ khác có liên quan
- *Tài khoản sử dụng*
- TK 711: Thu nhập khác

Là tài khoản dùng để phản ánh các khoản doanh thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp: thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ; Các khoản thuế được ngân sách Nhà nước hoàn lại; thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật các tổ chức, cá nhân tặng cho Doanh nghiệp, các thu nhập khác ...

Kết cấu TK711

Nợ	711	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK911 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ 	

- TK 811: Chi phí khác

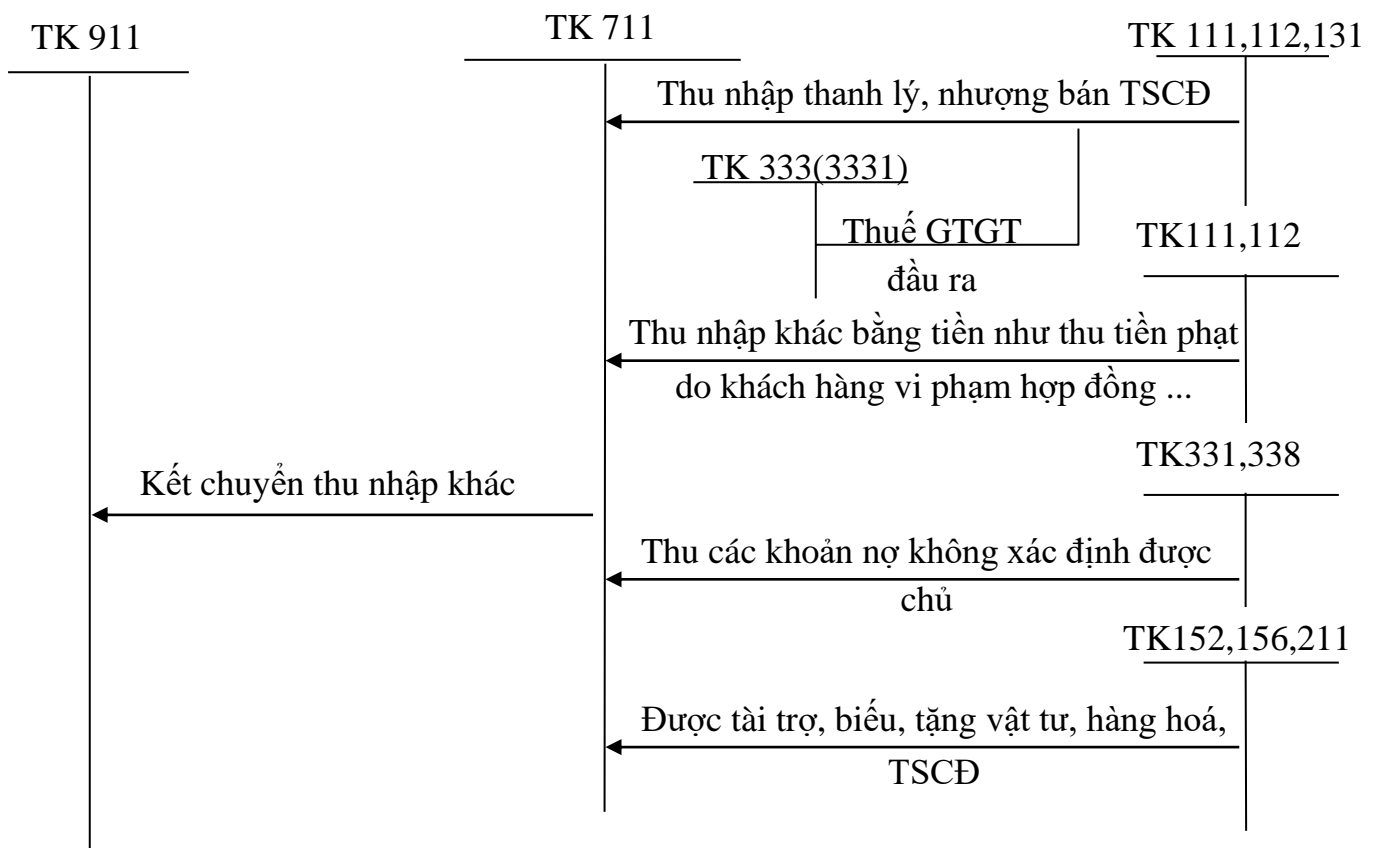
Là tài khoản dùng để phản ánh các khoản chi phí xảy ra không thường xuyên, riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp, những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước. Chi phí khác phát sinh gồm: Chí phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có); Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; Bị phạt thuế, truy nộp thuế; Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán; Các khoản chi phí khác...

Kết cấu TK811:

Kết chuyển các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911

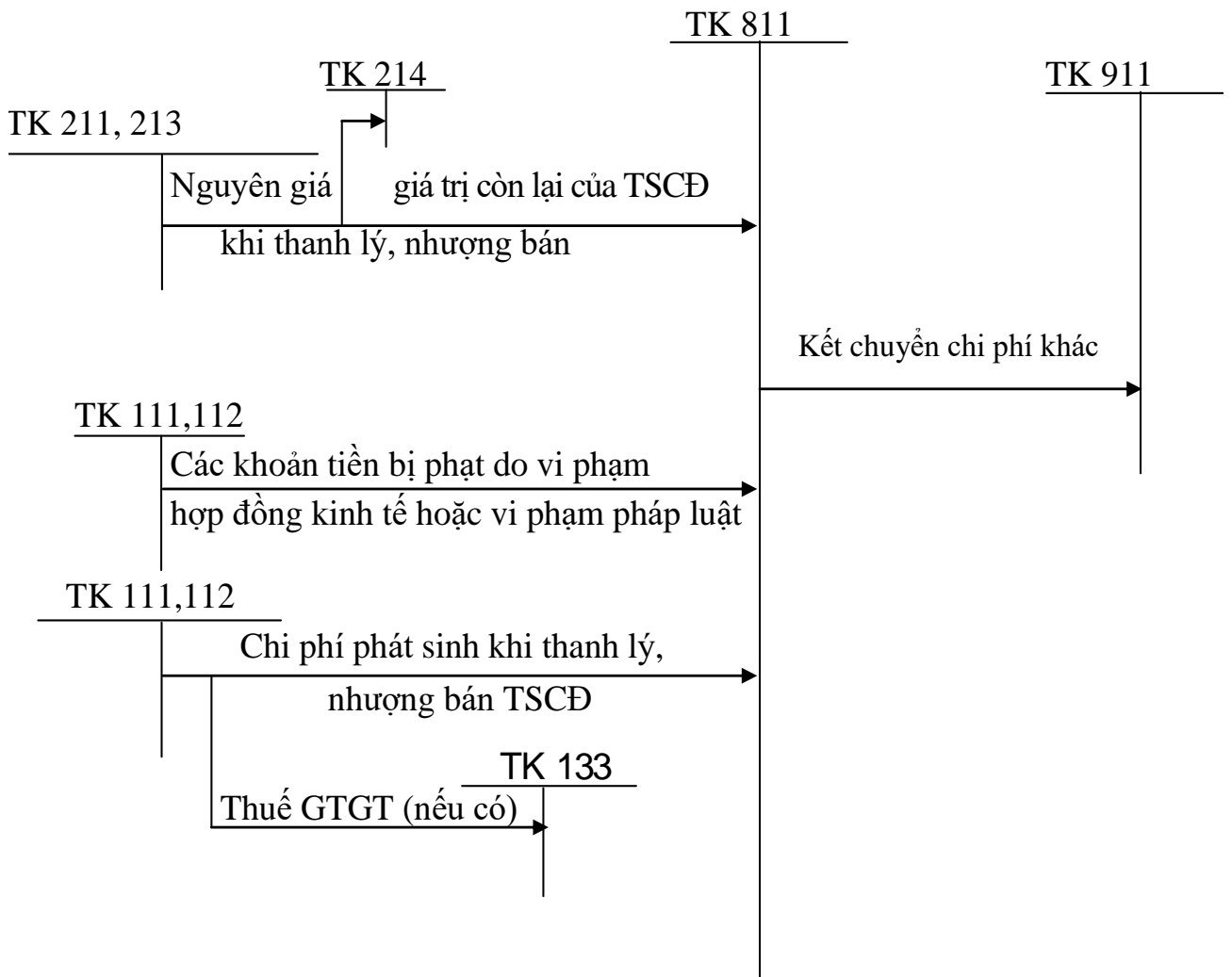
Nợ	811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ		- Kết chuyển các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK911

- Phương pháp hạch toán
 - Phương pháp hạch toán thu nhập hoạt động khác



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập hoạt động khác

- Phương pháp hạch toán chi phí hoạt động khác



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí hoạt động khác

1.8. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.

- *Chứng từ sử dụng*
- Phiếu kế toán
- *Tài khoản sử dụng*
- TK421: Lợi nhuận chưa phân phối
- TK821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- TK911: Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

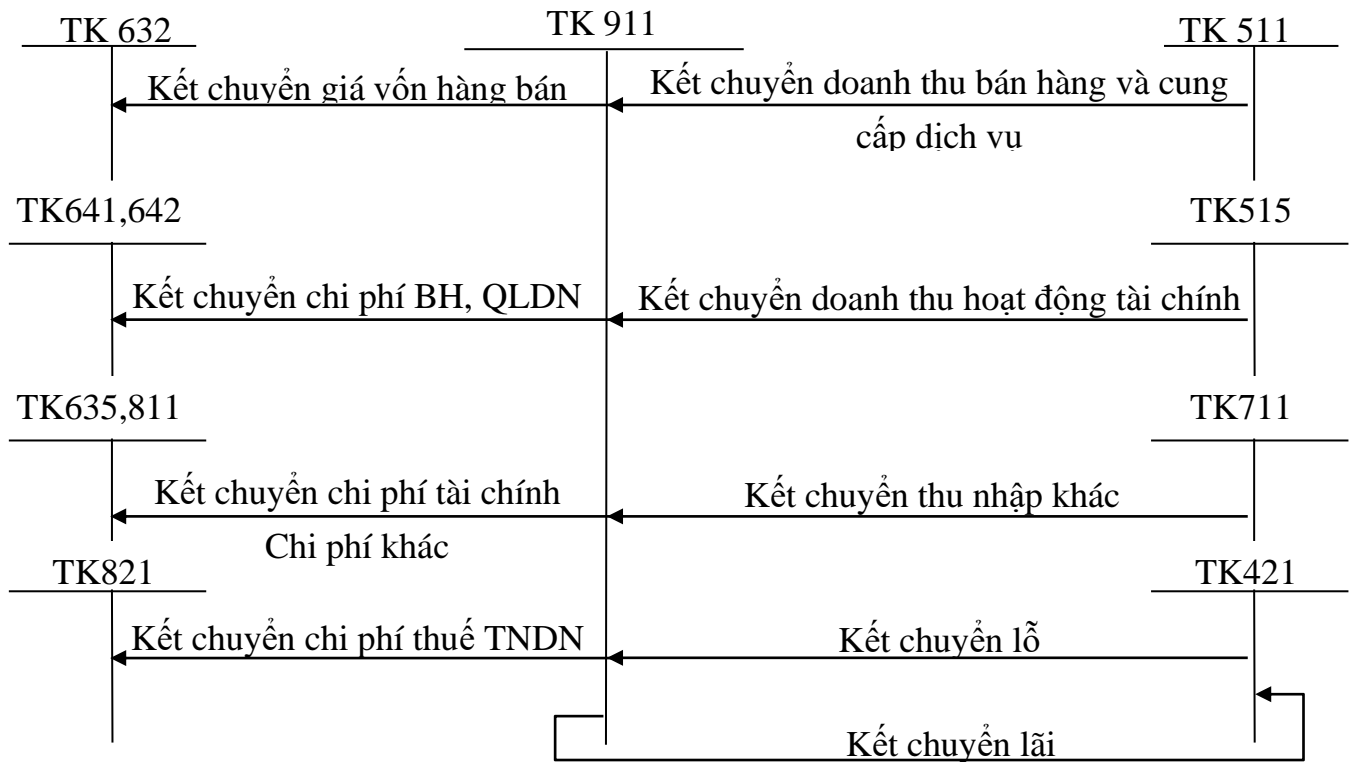
TK421 có thể có số dư Nợ hoặc dư Có:

- + Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý
- + Số dư bên Có: Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng

TK421 có 2 tài khoản cấp 2:

- + TK4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước
- + TK4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

• Phương pháp hạch toán



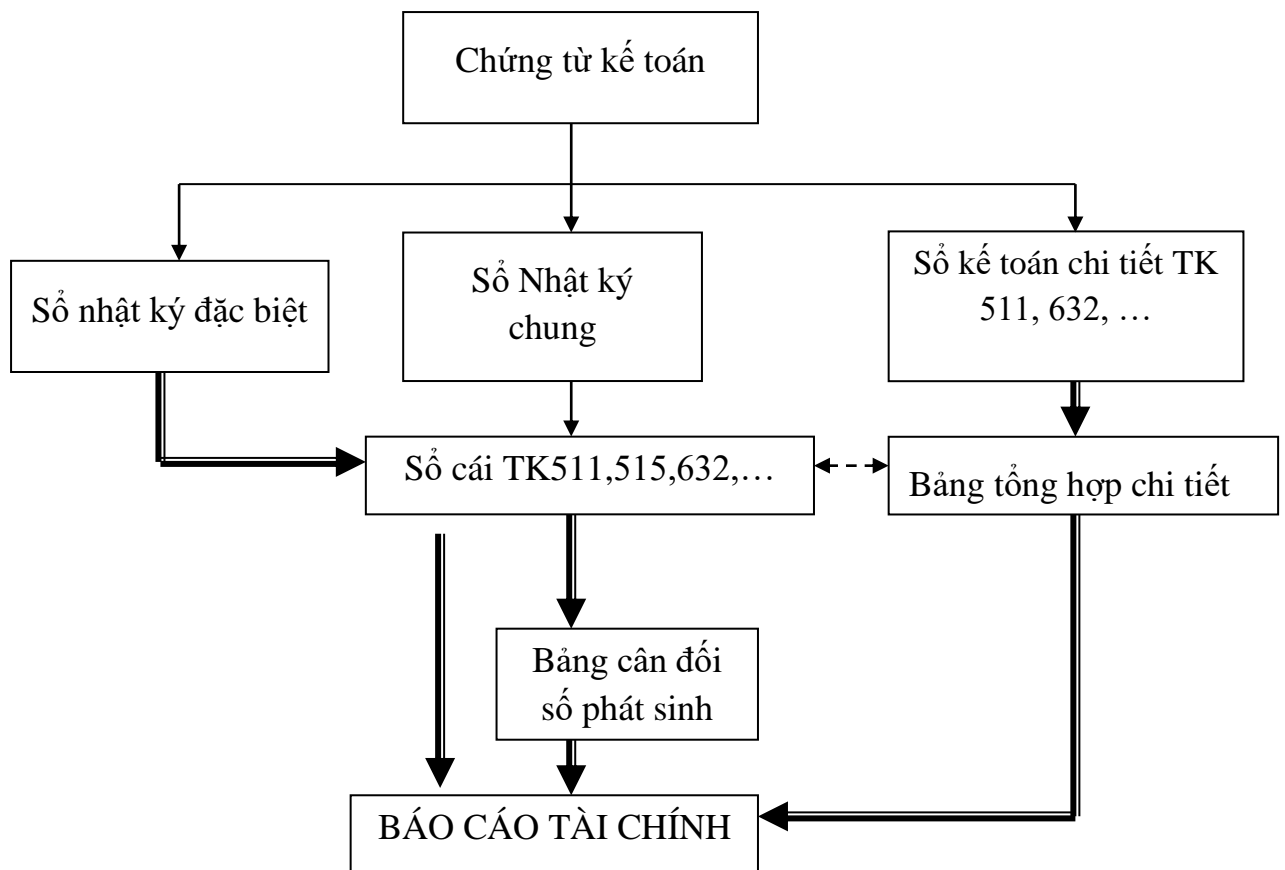
Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

1.9. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán

Doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái
- Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán máy

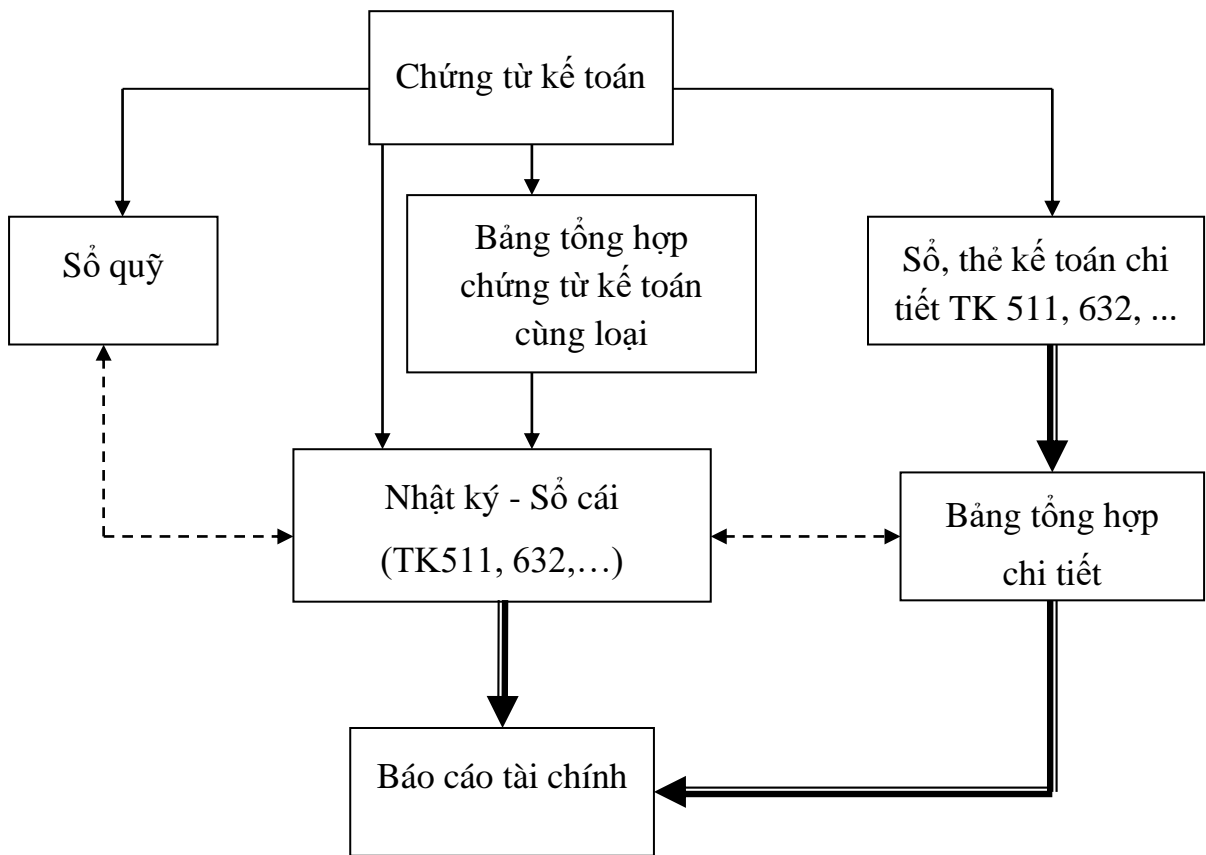
• Hình thức kế toán nhật ký chung



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - > Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - ←-----> Đối chiếu

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung

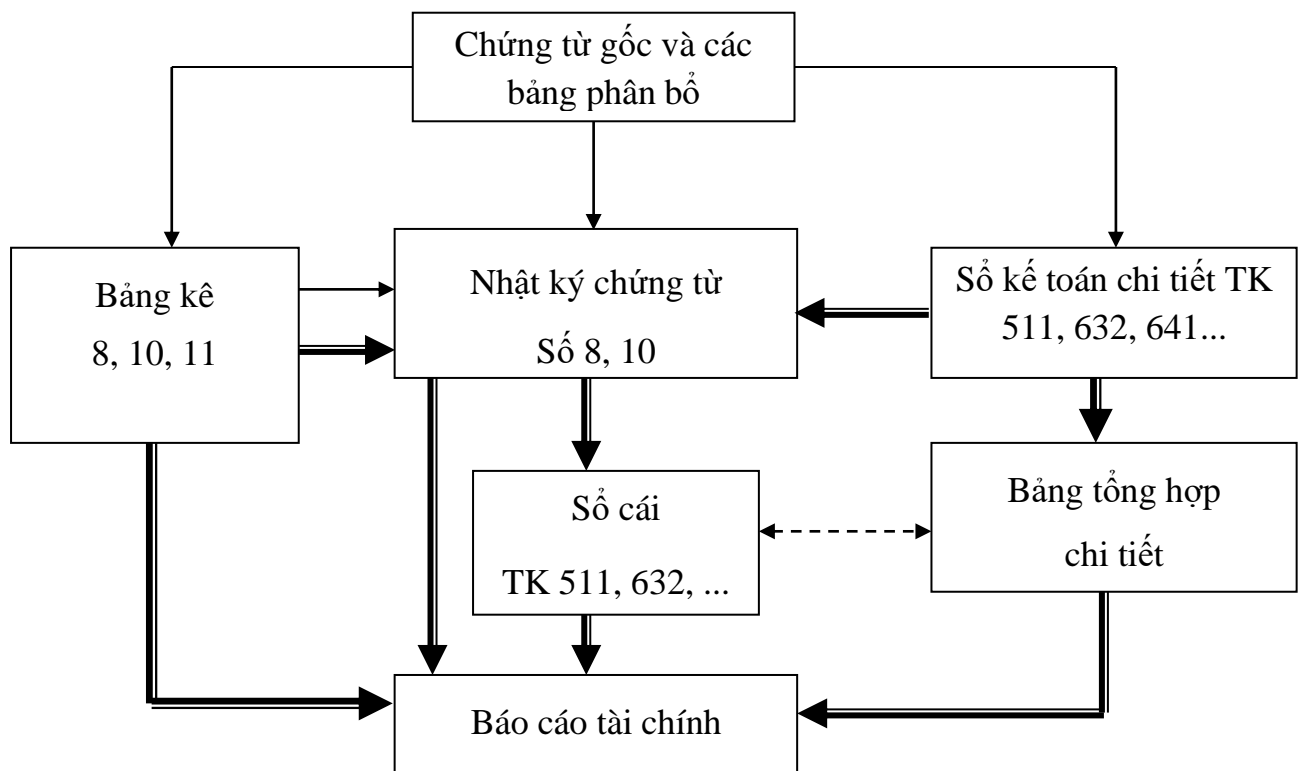
• Hình thức kế toán Nhật ký - sổ cái



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - ====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - <- - - - -> Đối chiếu

Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký Sổ cái

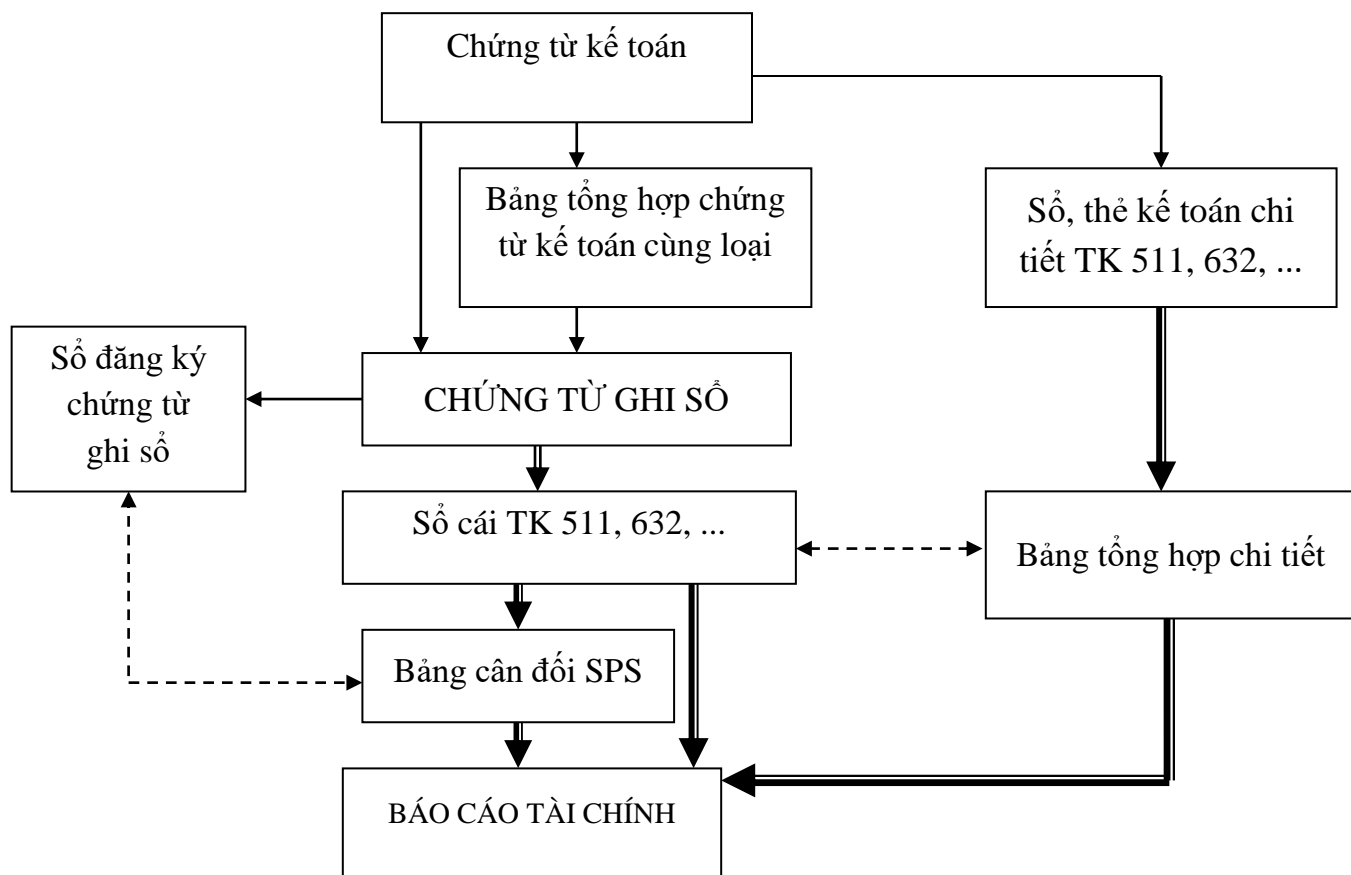
• Hình thức kế toán Nhật ký - chứng từ



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - ←-----> Đối chiếu

Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chứng từ

* Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ:

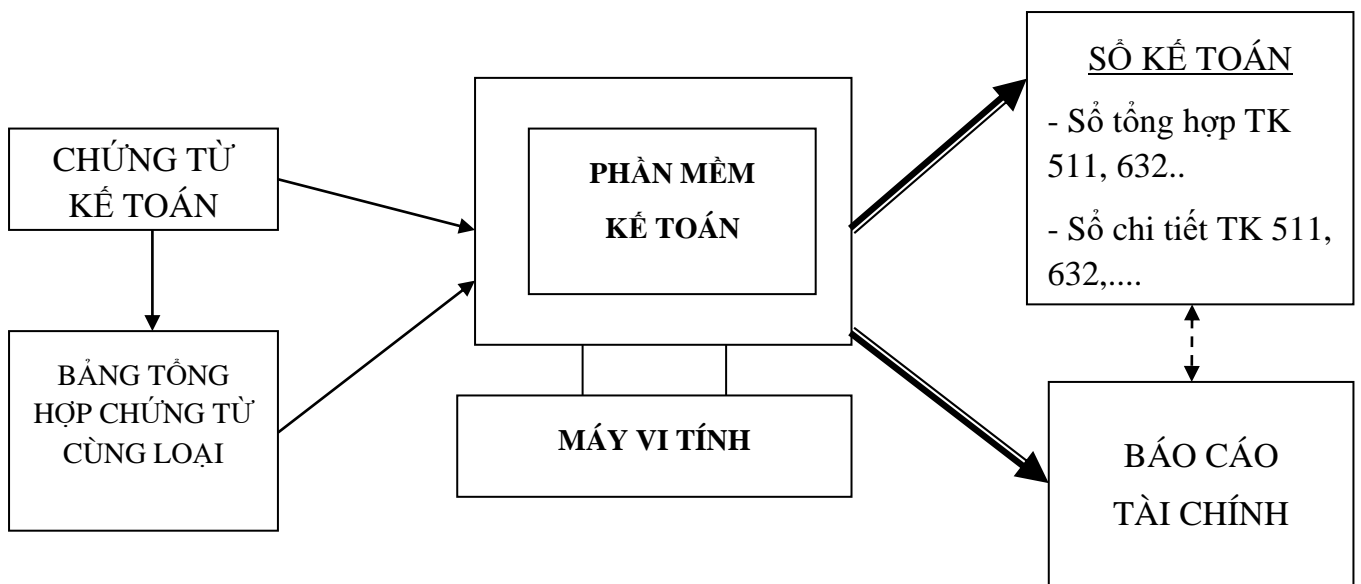


Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
- ←-----> Đối chiếu

Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

- *Hình thức kế toán máy*



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi hàng tuần, hàng tháng, hoặc định kỳ
 - <-.-.-.-> Đối chiếu

Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu - chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG 2.**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI TÙNG ANH**

2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh.

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh.

- Tên Tiếng Việt: **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI TÙNG ANH**
- Tên Tiếng Anh: **TUNG ANH TRANSPORT AND SERVICES Co.LTD**
- Tên giao dịch: **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI TÙNG ANH**
- Tên viết tắt: **TUNG ANH JSC**
- Tel: 02253.282.107 Fax: 0313.282.707
- Mã số thuế: 0201300846
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty Trách nhiệm hữu hạn
- Ngành nghề kinh doanh: Vận tải
- Địa chỉ: Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng
- Văn phòng đại diện: Số 215 tổ Trúc Sơn, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng
- Tổng vốn đầu tư: 2.700.000.000 VNĐ

Bảng 2.1: Một số chỉ tiêu tài chính tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh.

Chỉ tiêu		Năm 2016	Năm 2015
1.	Tổng doanh thu thuần	4.784.901.466	4.129.163.525
2.	Tổng GVHB	3.639.527.555	3.063.456.973
3.	Tổng lợi nhuận gộp	1.145.373.911	1.065.706.552
4.	Tổng lợi nhuận trước thuế	89.903.311	61.760.165
5.	Thuế và các khoản phải nộp NSNN	17.980.663	12.352.033
6.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	71.922.648	49.408.132

2.1.2. Đặc điểm hàng hóa, tổ chức kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh.

Vận tải là ngành sản xuất kinh doanh dịch vụ có nhiều đặc thù. là một trong những ngành kinh doanh chuyên cung cấp những lao vụ dịch vụ phục vụ cho việc vận chuyển hàng hóa và thỏa mãn nhu cầu đi lại của con người. Là ngành kinh tế quan trọng, một ngành sản xuất vật chất cho xã hội. Sản phẩm của ngành dịch vụ vận tải không có hình thái vật chất cụ thể, mà chỉ là việc di chuyển hàng hóa từ địa điểm này đến địa điểm khác.

Quá trình sản xuất và tiêu thụ diễn ra đồng thời trên cùng một thời điểm, do đó không có sản phẩm làm dở, không có thành phẩm nhập kho.

Hoạt động kinh doanh vận tải luôn mang tính thời vụ, phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên ,... chức năng doanh nghiệp vận tải là vận chuyển hàng hóa , xếp dỡ hàng hóa, bảo quản hàng hóa. Chỉ tiêu đánh giá kết quả vận tải là lượng luân chuyển hàng hóa(tấn/km,...)

Các loại hình kinh doanh dịch vụ chủ yếu của Công ty là: vận tải hàng hóa bằng đường bộ, dịch vụ giao nhận, bốc xếp, kho bãi và lưu trữ hàng hóa, đại lý ký gửi hàng hóa và một số loại hình dịch vụ khác. Đây là những mặt hàng dịch vụ có phạm vi hoạt động tương đối rộng lớn và là những nhu cầu thường xuyên, liên tục trên thị trường.

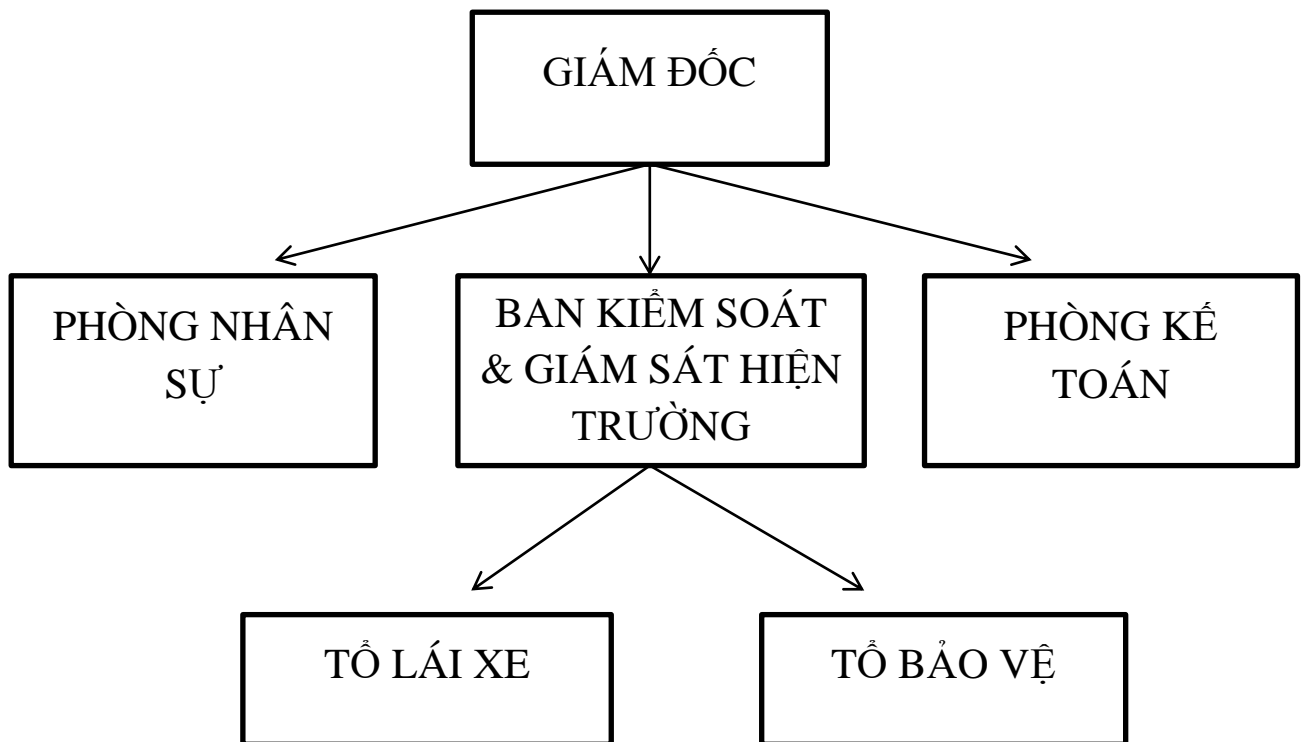
2.1.3. Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh.

* Đối tượng hạch toán doanh thu, chi phí tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh theo lĩnh vực hoạt động: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

* Đối tượng hạch toán kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh hạch toán chung cho mọi hoạt động kinh doanh của đơn vị

* Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh theo năm.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh.



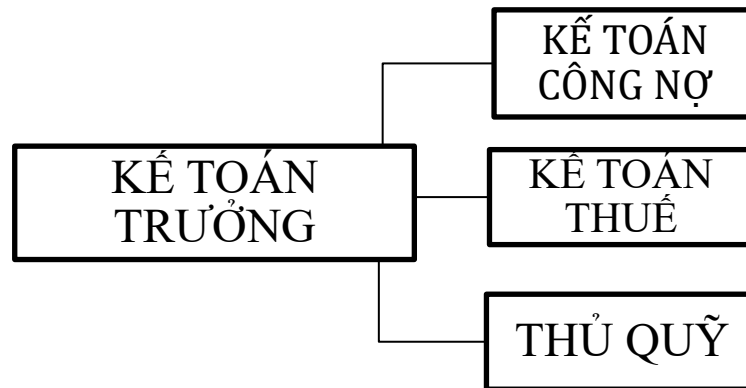
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh

- ❖ *Giám đốc Công ty:*
 - Là người đại diện pháp lý của công ty.
 - Chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo chung đối với Công ty về các vấn đề như: điều hành, quy hoạch, chiến lược kinh doanh, ...
 - Là người có nhiệm vụ, quyền hạn tối cao trong công ty.
- ❖ *Bộ phận Nhân sự:*
 - Tổ chức thực hiện các việc trong lĩnh vực tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, bảo vệ quân sự theo luật và quy chế công ty.
- ❖ *Ban Kiểm soát & giám sát hiện trường:*
 - Tổ chức nghiên cứu, áp dụng quy trình về hệ thống đo lường chất lượng, kiểm tra, giám sát chặt chẽ quy trình bốc xếp dỡ hàng hóa tại Cảng
 - Theo dõi tình hình vận chuyển, điều hành, sắp xếp các xe của Công ty bảo đảm yêu cầu nhanh chóng, theo trình tự hợp lý.

- Quản lý, phân chia, theo dõi công việc của các Tổ lái xe, Tổ bảo vệ, Tổ bốc vác, Tổ giám sát hiện trường
 - Tiến hành tổng kết, đánh giá chất lượng, số lượng sản phẩm vận chuyển hàng hóa hàng tháng, tìm ra những nguyên nhân tốt hoặc không tốt để đưa ra biện pháp khắc phục.
 - Xây dựng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng, đảm bảo hài lòng khách hàng.
 - Thực hiện quản lý, giám sát hàng hóa trên Cảng, đề phòng trộm cắp.
 - Cân, đo, đếm đúng, đủ khối lượng hàng cần vận chuyển tránh gian lận
 - Quản lý công việc trên công trường đảm bảo đúng kỹ thuật, chất lượng, an toàn, đúng tiến độ...
 - Quản lý, giám sát toàn bộ hoạt động trên hiện trường.
 - Lập tiến độ chi tiết, triển khai tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch để đảm bảo tiến độ như đã cam kết.
 - Chịu trách nhiệm về mặt, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động và vệ sinh môi trường trên Cảng.
- ❖ *Bộ phận Kế toán:*
- Thực hiện công tác tài chính kế toán.
 - Công tác quản lý tài sản, nguồn vốn.
 - Công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ.
 - Công tác quản lý chi phí và doanh thu.
- ❖ *Tổ lái xe:*
- Giữ gìn, bảo vệ, bảo dưỡng, quản lý đầu xe mà mình lái.
 - Vận chuyển hàng hóa an toàn, trả hàng đúng nơi, đúng địa điểm, đúng số lượng
- ❖ *Tổ bảo vệ:*
- Trông coi, quản lý tài sản chung của Công ty
 - Thực hiện các công việc khác do cấp trên phân công.

2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh.

** Đặc điểm bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh.*



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ phận Kế toán trong công ty TNHH Dịch Vụ và Vận Tải Tùng Anh

❖ *Kế toán trưởng:*

✓ Chức năng:

- Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức kinh doanh của công ty.

- Chịu trách nhiệm trực tiếp trước giám đốc công ty về các công việc thuộc phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của Kế toán trưởng.

✓ Nhiệm vụ:

- Kế toán trưởng là người lãnh đạo của phòng, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về tất cả hoạt động của phòng do mình phụ trách.

- Có trách nhiệm quản lý chung, (kiểm soát) mọi hoạt động có liên quan đến lĩnh vực tài chính, kế toán. Kế toán trưởng phải nắm được toàn bộ tình hình tài chính của công ty để tham mưu cho giám đốc ra các quyết định về chính sách và kế hoạch tài chính của công ty.

❖ *Kế toán công nợ:*

- Quản lý, theo dõi công nợ
- Lập phiếu nộp ngân sách - ngân hàng
- Lập lịch thanh toán công nợ đối với khách hàng

❖ Tính toán số công nợ phát sinh hằng tháng, lập giấy thông báo thanh toán công nợ (nội bộ và khách hàng)

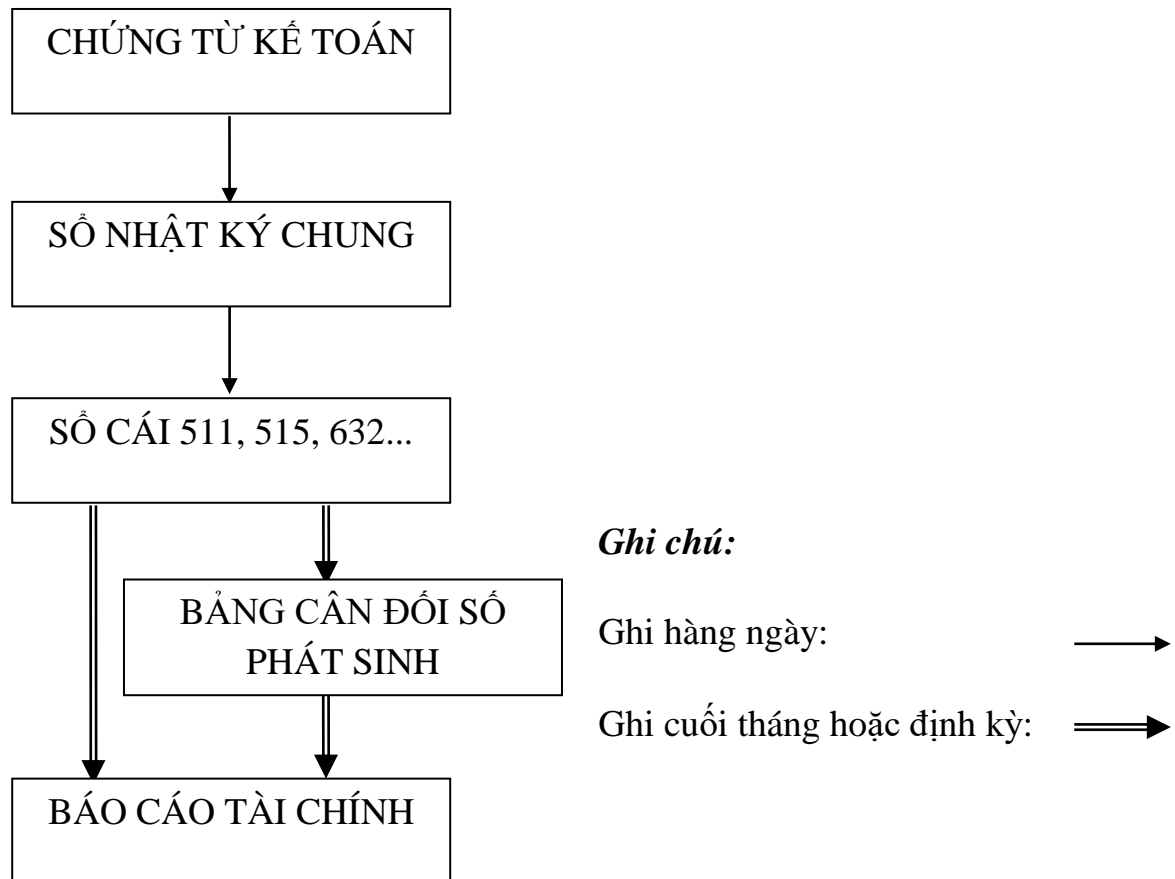
❖ *Kế toán thuế:*

- Hàng ngày tập hợp hóa đơn.
- Cuối tháng lập báo cáo Thuế GTGT, thuế TNDN và nộp tiền thuế cho cơ quan Thuế
 - Hàng Quý làm báo cáo thuế tháng của quý đó và báo cáo quý cho thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN và báo cáo sử dụng Hóa đơn.
 - Theo dõi tình hình nộp ngân sách, tồn đọng ngân sách và hoàn thuế của công ty.

*** Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh.**

- Kỳ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Phương pháp đường thẳng
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ
- Chế độ kế toán áp dụng: Thông tư số 200/2014/TT-BTC-Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Hình thức Nhật ký chung



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung tại công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh.

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh.

2.2.1. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh.

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- *Chứng từ và sổ kế toán sử dụng*

- Chứng từ sử dụng:

+ Hóa đơn GTGT

+ Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Giấy báo có của ngân hàng.

+ Các chứng từ có liên quan khác.

- *Sổ kế toán sử dụng:*

+ Sổ nhật ký chung

+ Sổ cái TK 511

- **Ví dụ minh họa 1:**

Ngày 01/12/2016 vận chuyển Gạo cho Công ty TNHH Huy Quân, theo Hóa đơn GTGT số 0000201, số tiền 8.343.687đ, đã thanh toán bằng Tiền Mặt.

Định khoản:

Nợ TK 111: 8.343.687

 Có TK 511: 7.585.170

 Có TK 3331: 758.517

Căn cứ HĐ GTGT 0000201 (biểu số 2.1), Phiếu thu 12-001 (biểu số 2.3), kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.9)

Biểu số 2.1. Hoá đơn GTGT số 0000201

HOÁ ĐƠN		Mẫu số :01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu : AA/15P			
Liên 3: Nội bộ		Số: 0000201			
Ngày 01 tháng 12 năm 2016					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh					
Mã số thuế: 0201300846					
Địa chỉ: Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.					
Điện thoại: 02253.282.107					
Số tài khoản: 203643109-ngân hàng TMCP Á Châu, PGD Quán Toan.					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Huy Quân					
Mã số thuế: 2300562998					
Địa chỉ: Thôn Viêm Xá, xã hòa Long, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.					
Hình thức thanh toán: TM Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cước vận chuyên (chi tiết theo bảng kê đính kèm)				7.585.170
Cộng tiền hàng:					7.585.170
Thuế GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT:			758.517
Tổng cộng tiền thanh toán					8.343.687
Số tiền viết bằng chữ: <i>Tám triệu, ba trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm tám mươi bảy đồng./.</i>					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký và đóng dấu)	
<i>(Cần đối chiếu kiểm tra khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh)

Biểu số 2.2. Trích Bảng kê số 01/12**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI TÙNG ANH****ĐT: 0313.282.107****BẢNG KÊ VẬN CHUYỂN***Kèm theo hóa đơn 0000201 ngày 01/12/2016*

Khách hàng: CÔNG TY TNHH HUY QUÂN

MST : 2300562998

Địa chỉ : Thôn Viêm Xá, xã Hòa Long, tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

STT	Ngày tháng	Biển số xe	Điểm nhận hàng	Điểm giao hàng	Loại hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ/kg)	Thành tiền
1	01/12/2016	15C 12216	Cảng Vật Cách	Kho Phở Yên-Bắc Ninh	Gạo	Kg	33.510	170	5.696.700
2	01/12/2016	15C 07083	Cảng Vật Cách	Kho Phở Yên-Bắc Ninh	Gạo	Kg	11.109	170	1.888.470
Tổng cộng							44.619		7.585.170

ĐẠI DIỆN BÊN THUÊ VẬN CHUYỂN**ĐẠI DIỆN BÊN VẬN CHUYỂN***(Nguồn Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh)*

Biểu số 2.3: Phiếu thu số 12-001**Công ty TNHH DV&VT Tùng Anh**

Mẫu số: 01 - TT

Địa chỉ: Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện
An Dương, TP Hải Phòng(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**PHIẾU THU**

Ngày 01 tháng 12 năm 2016

Số: 12-001

Họ và tên người nộp tiền: Nguyễn Thanh Hương

Địa chỉ: Công ty TNHH Huy Quân

Lý do nộp: Thanh toán tiền cước vận chuyển của HĐ 0000201

Số tiền: 8.343.687

Bằng chữ: Tám triệu, ba trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm tám mươi bảy đồng./.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 01 tháng 12 năm 2016

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Tám triệu, ba trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm tám mươi bảy đồng./.

Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

Số tiền quy đổi:

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh)

- **Ví dụ minh họa 2:**

Ngày 05/12/2016 vận chuyển Xi măng cho Công ty Cổ phần phát triển xây dựng và thương mại Thuận An, theo Hóa đơn GTGT số 0000207, số tiền 27.500.000đ, đã thanh toán bằng Tiền gửi Ngân Hàng.

Định khoản:

Nợ TK 112 : 27.500.000

Có TK 511 : 25.000.000

Có TK 3331: 2.500.000

Căn cứ HĐ GTGT 0000207 (biểu số 2.4), Giấy báo có số 07115(biểu số 2.6), kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.9)

Biểu số 2.4: Hoá đơn GTGT số 0000207

HOÁ ĐƠN		Mẫu số :01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu : AA/15P			
Liên 3: Nội bộ		Số: 0000207			
<i>Ngày 05 tháng 12 năm 2016</i>					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh					
Mã số thuế: 0201300846					
Địa chỉ: Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.					
Điện thoại: 02253.282.107					
Số tài khoản: 203643109-ngân hàng TMCP Á Châu, PGD Quán Toan.					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần phát triển xây dựng và thương mại Thuận An.					
Mã số thuế: 0101520598					
Địa chỉ: Số 141 Trường Chinh, tổ 20, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, HN					
Hình thức thanh toán: CK		Số tài khoản:			
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cước vận chuyển (chi tiết theo bảng kê đính kèm)				25.000.000
Cộng tiền hàng:					25.000.000
Thuế GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT:		2.500.000	
Tổng cộng tiền thanh toán					27.500.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Hai mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng./.</i>					
Người mua hàng (<i>Đã ký</i>)		Người bán hàng (<i>Đã ký</i>)		Thủ trưởng đơn vị (<i>Đã ký và đóng dấu</i>)	
<i>(Cần đối chiếu kiểm tra khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh)

Biểu số 2.5: Trích Bảng kê số 07/12**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI TÙNG ANH****ĐT: 0313.282.107****BẢNG KÊ VẬN CHUYỂN***Kèm theo hóa đơn 0000207 ngày 05/12/2016*

Khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI THUẬN AN


MST : 0101520598

Địa chỉ : Số 141 Trường Trinh, tổ 20, p. Phương Liệt, q. Thanh Xuân, Hà Nội

STT	Ngày tháng	Biển số xe	Điểm nhận hàng	Điểm giao hàng	Loại hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ/kg)	Thành tiền
1	03/12/2016	15C 03644	Nhà máy xi măng Hải Phòng	Kho Thanh Hà-Hải Dương	Xi măng	Kg	38.463	130	5.000.190
2	03/12/2016	15C 16439	Nhà máy xi măng Hải Phòng	Kho Thanh Hà-Hải Dương	Xi măng	Kg	38.461	130	4.999.930
3	04/12/2016	15C 09648	Nhà máy xi măng Hải Phòng	Kho Thanh Hà-Hải Dương	Xi măng	Kg	38.461	130	4.999.930
4	05/12/2016	15C 13834	Nhà máy xi măng Hải Phòng	Kho Thanh Hà-Hải Dương	Xi măng	Kg	38.462,7	130	5.000.150
5	05/12/2016	15C 08999	Nhà máy xi măng Hải Phòng	Kho Thanh Hà-Hải Dương	Xi măng	Kg	38.460	130	4.999.800
Tổng cộng								192.307,7	25.000.000

ĐẠI DIỆN BÊN THUÊ VẬN CHUYỂN**ĐẠI DIỆN BÊN VẬN CHUYỂN***(Nguồn Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh)*

Biểu số 2.6: Giấy báo có của ngân hàng Á Châu

 ASIA COMMERCIAL BANK	GIẤY BÁO CÓ Ngày 05/12/2016	Mã GDV: BTTA Mã KH: 28217 Số GD: 07115
Ngân hàng Á Châu Chi nhánh: ACB – Quán Toan		
Kính gửi: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI TÙNG ANH Mã số thuế: 0201300846		
Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:		
Số tài khoản ghi Có: 203643109		
Số tiền bằng số: 27.500.000		
Số tiền bằng chữ: Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.		
Nội dung: Công ty cổ phần phát triển xây dựng và thương mại Thuận An thanh toán HĐ 0000207.		
GIAO DỊCH VIÊN		KIỂM SOÁT

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh)

- **Ví dụ minh họa 3:**

Ngày 17/12/2016 vận chuyển Cám cho Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và chế biến Nông Sản Việt Nam, theo Hóa đơn số 0000210, số tiền 458.833.683, chưa thanh toán.

Định khoản:

Nợ TK 131 : 458.833.683

Có TK 511 : 417.121.530

Có TK 3331: 41.712.153

Căn cứ HĐ GTGT 0000210 (biểu số 2.7), kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.9)

Biểu số 2.7: Hoá đơn GTGT số 0000210

HOÁ ĐƠN			Mẫu số :01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu : AA/15P		
Liên 3: Nội bộ			Số: 0000210		
<i>Ngày 15 tháng 12 năm 2016</i>					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh					
Mã số thuế: 0201300846					
Địa chỉ: Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.					
Điện thoại: 02253.282.107					
Số tài khoản: 203643109-ngân hàng TMCP Á Châu, PGD Quán Toan.					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và chế biến Nông Sản Việt Nam.					
Mã số thuế: 0900514671					
Địa chỉ: Thôn Đông Lý, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.					
Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cước vận chuyển (chi tiết theo bảng kê đính kèm)				417.121.530
Cộng tiền hàng:					417.121.530
Thuế GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT:			41.712.153
Tổng cộng tiền thanh toán					458.833.683
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn trăm năm mươi tám triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn, sáu trăm tám mươi ba đồng./.</i>					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký và đóng dấu)	
<i>(Cần đối chiếu kiểm tra khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh)

Biểu số 2.8: Trích Bảng kê số 10/12
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI TÙNG ANH
ĐT: 0313.282.107

BẢNG KÊ VẬN CHUYỂN

Kèm theo hóa đơn 0000210 ngày 15/12/2016

Khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN XNK VÀ CHẾ BIÊN NÔNG SẢN VIỆT NAM

MST :0900514671

Địa chỉ : Thôn Đồng Lý, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

STT	Ngày tháng	Biển số xe	Điểm nhận hàng	Điểm giao hàng	Loại hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ/kg)	Thành tiền	
1	01/12/2016	15C 06110	Cảng Hải Phòng	Nhà máy Gạo Việt-Hung Yên	Cám	kg	35.000	150	5.250.000	
2	01/12/2016	15C 11160	Cảng Hải Phòng	Nhà máy Gạo Việt-Hung Yên	Cám	kg	47.000	150	7.050.000	
3	03/12/2016	15C 00818	Cảng Hải Phòng	Nhà máy Gạo Việt-Hung Yên	Cám	kg	41.000	150	6.150.000	
4	03/12/2016	15C 08345	Cảng Hải Phòng	Nhà máy Gạo Việt-Hung Yên	Cám	kg	39.080	150	5.862.000	
5	05/12/2016	15C 08616	Cảng Hải Phòng	Nhà máy Gạo Việt-Hung Yên	Cám	kg	43.787	150	6.568.050	
...	
Tổng cộng									2.780.810,2	417.121.530

ĐẠI DIỆN BÊN THUÊ VẬN CHUYỂN

ĐẠI DIỆN BÊN VẬN CHUYỂN

(Nguồn Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh)

Biểu số 2.9: Trích sổ nhật ký chung

NT		Chứng từ		Diễn giải	SH	Số phát sinh	
GS	SH	NT	TKĐƯ		Nợ	Có	
...
01/12	HĐ201 PT12-001	01/12	Vận chuyển Gạo Công ty TNHH Huy Quân	111 511 3331	8.343.687		7.585.170 758.517
...
05/12	HĐ 207 BC 07115	05/12	Vận chuyển xi măng Công ty cổ phần phát triển xây dựng và thương mại Thuận An	112 511 3331	27.500.000		25.000.000 2.500.000
...
15/12	HĐ 210	15/12	Vận chuyển Cám Công ty Cổ phần XNK và Chế biến nông sản Việt Nam	131 511 3331	458.833.683		417.121.530 41.712.153
...
			Cộng lũy kế từ đầu năm		40.677.780.783		40.677.780.783

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.9), kế toán ghi vào sổ cái TK 511 (biểu số 2.10)

Biểu số 2.10: Trích sổ cái TK511**Công ty TNHH DV&VT Tùng Anh****Mẫu số: S03b-DN****Địa chỉ: Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, TP Hải Phòng****(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính****TRÍCH SỔ CÁI****Năm 2016****Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****Số hiệu: 511****Đơn vị tính: VND**

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		92.332.594	
			Số phát sinh			
...
01/12	HĐ201 PT12-001	01/12	Vận chuyển Gạo Công ty TNHH Huy Quân	111		7.585.170
...
05/12	HĐ 207 BC 07115	05/12	Vận chuyển xi măng Công ty cổ phần phát triển xây dựng và thương mại Thuận An	112		25.000.000
...
15/12	HĐ 210	15/12	Vận chuyển Cám Công ty Cổ phần XNK và Chế biến nông sản Việt Nam	131		417.121.530
...
31/12	PKT19		Kết chuyển Doanh Thu	911	4.784.901.466	
			Cộng lũy kế từ đầu năm		4.784.901.466	4.784.901.466
			Số dư cuối năm			

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh)

2.2.1.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

* Chứng từ và sổ kế toán sử dụng

- Chứng từ sử dụng:

+ Phiếu kế toán

+ Các chứng từ khác có liên quan.

- Sổ kế toán sử dụng:

+ Sổ Nhật ký chung

+ Sổ cái TK 632

- Nội dung hạch toán:

Do đặc điểm của ngành dịch vụ nói chung và dịch vụ vận tải nói riêng, quá trình sản xuất gắn liền với quá trình tiêu thụ nên không có sản phẩm dở dang cuối kỳ chuyển sang kỳ tiếp theo. Công ty thực hiện theo đơn đặt hàng, nên giá vốn của sản phẩm chính là tổng các chi phí phát sinh trong quá trình vận chuyển hàng hóa.

Biểu số 2.11: Trích sổ cái Tài Khoản 621

Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh

Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, tp Hải

Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN (Trích T12/2016)**Tên tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp****Số hiệu: 621***Đơn vị tính: đồng*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			...			
31/12/2016	HD 0001720	31/12/2016	Tiền đầu tháng 12/2016	112	173.378.569	
			...			
			Cộng số phát sinh năm		2.104.542.830	2.104.542.830
			Số dư cuối năm			

Người lập biểu*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên, đóng dấu)**(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh)*

Biểu số 2.12: Trích sổ cái Tài Khoản 622

Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh

Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương,
tp Hải Phòng**SỔ CÁI TÀI KHOẢN (Trích T12/2016)****Tên tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp****Số hiệu: 622***Đơn vị tính: đồng*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			...			
31/12/2016	BPBL	31/12/2016	Tiền lương bộ phận lái xe tháng 12/2016	334	58.200.000	
			...			
			Cộng số phát sinh năm		614.673.312	614.673.312
			Số dư cuối năm			

Người lập biểu*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên, đóng dấu)**(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh)*

Biểu số 2.13: Trích sổ cái Tài Khoản 627

Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh

Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, tp Hải

Phòng

SỔ CÁI TÀI KHOẢN (Trích T12/2016)**Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung****Số hiệu: 627***Đơn vị tính: đồng*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			...			
31/12/2016	BKH	31/12/2016	Chi phí khấu hao xe tháng 12/2016	214	42.079.222	
			...			
31/12/2016		31/12/2016	Chi phí sửa chữa tháng 12/2016	111	14.131.550	
			...			
			Cộng số phát sinh năm		920.311.413	920.311.413
			Số dư cuối năm			

Người lập biểu*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên, đóng dấu)**(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh)*

Cuối năm căn cứ vào Sổ cái TK 621(biểu số 2.11), Sổ cái TK 622(biểu số 2.12)
Sổ cái TK 627(biểu số 2.13) kế toán lập PKT số 18 (biểu số 2.14)

Biểu số 2.14: Phiếu kế toán số 18

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 18

Ngày 31/12/2016

Nội dung	TK		Số tiền
	Nợ	Có	
1.Kết chuyển Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	632	621	2.104.542.830
2.Kết chuyển Chi phí nhân công trực tiếp	632	622	614.673.312
3.Kết chuyển Chi phí sản xuất chung	632	627	920.311.413
Cộng			3.639.527.555

Căn cứ PKT số 18(biểu số 2.14) kế toán ghi vào sổ Nhật Ký chung (Biểu số 2.15)

Biểu số 2.15. Trích sổ nhật ký chung**Công ty TNHH DV&VT Tùng Anh****Mẫu số: S03a-DN****Địa chỉ: Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, TP Hải Phòng****(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC****ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính****TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG****Tháng 12 năm 2016****Đơn vị tính: VND**

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
31/12	PKT 18	31/12	Kết chuyển chi phí sản xuất sang giá vốn	632	3.639.527.555	
				621		2.104.542.830
				622		614.673.312
				627		920.311.413
...
			Cộng lũy kế từ đầu năm		40.677.780.783	40.677.780.783

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.15), kế toán ghi vào Sổ cái TK 632 (biểu số 2.16).

Biểu số 2.16: Trích sổ cái Tài khoản 632

Công ty TNHH DV&VT Tùng Anh

Địa chỉ: Thôn Nam Bình, xã An Hưng,
huyện An Dương, TP Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)**TRÍCH SỔ CÁI**

Tháng 12 năm 2016

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
31/12	PKT 18	31/12	Kết chuyển chi phí sản xuất sang giá vốn	621	2.104.542.830	
				622	614.673.312	
				627	920.311.413	
31/12	PKT 20	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán năm 2016	911		3.639.527.555
			Cộng số phát sinh năm		3.639.527.555	3.639.527.555
			Số dư cuối năm			

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

**Kế toán
trưởng**

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh)

2.2.1.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

* Chứng từ sử dụng:

+ Hóa đơn GTGT

+ Phiếu chi

+ Giấy báo nợ

+ Bảng thanh toán lương, bảng tính và phân bổ khấu hao

+ Các chứng từ có liên quan khác.

* Sổ kế toán sử dụng:

+ Sổ Nhật ký chung

+ Sổ cái TK 642

* Phương pháp hạch toán:

• ***Ví dụ minh họa 1:***

Ngày 15/12/2016 Công ty mua văn phòng phẩm phục vụ cho văn phòng với trị giá 1.039.500đ theo HĐ GTGT 0000083(biểu số 2.17), đã thanh toán bằng tiền mặt theo Phiếu chi số 12-25(biểu số 2.18).

Biểu số 2.17: Hoá đơn GTGT số 0000083

HOÁ ĐƠN			Mẫu số :01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu : TH/15P		
Liên 2: Giao khách hàng			Số: 0000083		
Ngày 15 tháng 12 năm 2016					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH VĂN PHÒNG PHẨM HẢI PHÒNG					
Mã số thuế: 0201204412					
Địa chỉ: Số 3A/89 Lê Lợi –Phường Máy Tơ –Quận Ngô Quyền–Hải Phòng					
Điện thoại: 0313.760.128					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI TÙNG ANH					
Mã số thuế: 0201300846					
Địa chỉ: Thôn Nam Bình-Xã An Hưng-Huyện An Dương-Thành phố Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TM					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Giấy in Double A	Thùng	1	300.000	300.000
2	Bút bi Thiên Long	Hộp	5	60.000	300.000
3	Kẹp tài liệu	Hộp	3	30.000	90.000
4	Bàn dập ghim	Cái	1	145.000	145.000
5	Giá đựng tài liệu	Cái	2	55.000	110.000
Cộng tiền hàng:					945.000
Thuế GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT:			94.500
Tổng cộng tiền thanh toán					1.039.500
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu không trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm đồng.					
Người mua hàng (Đã ký)		Người bán hàng (Đã ký)		Thủ trưởng đơn vị (Đã ký và đóng dấu)	
<i>(Cần đối chiếu kiểm tra khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

Biểu số 2.18. Phiếu chi số 12-25**Công ty TNHH DV&VT Tùng Anh****Mẫu số: 02 – TT****Địa chỉ: Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, TP Hải Phòng****(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính****PHIẾU CHI***Ngày 15 tháng 12 năm 2016*

Số: 12-25

Nợ TK642: 945.000

Nợ TK133: 94.500

Có TK111: 1.039.500

Họ và tên người nhận tiền: Bùi Ngọc Anh

Địa chỉ: Công ty TNHH văn phòng phẩm Hải Phòng

Lý do chi: Mua văn phòng phẩm

Số tiền: 1.039.500

Bằng chữ: *Một triệu không trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm đồng./.*

Kèm theo: 0 chứng từ gốc

Ngày 15 tháng 12 năm 2016

Giám đốc	Kế toán	Người nhận	Người lập	Thủ quỹ
(Ký, họ tên)	trưởng	tiền	phiếu	(Ký, họ tên)
	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu không trăm ba mươi chín nghìn năm trăm đồng.

Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

Số tiền quy đổi:

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

• **Ví dụ minh họa 2:**

Ngày 31/12 Công ty tính lương phải trả tháng 12 cho cán bộ công nhân viên, từ đó lập bảng phân bổ tiền lương và trích theo lương(Biểu số 2.19)

Biểu số 2.19 : Bảng phân bổ tiền lương và BHXH

Công ty TNHH DV&VT Tùng Anh
Địa chỉ: Thôn Nam Bình,xã An Hưng,huyện An Dương, TP Hải Phòng

Mẫu số: 11 – LĐTL
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

TRÍCH BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI

Tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TK ghi Có TK ghi Nợ	Ghi có 334	Lương tính BH	Ghi có TK 338									Cộng có TK338
			Người sử dụng lao động chịu					Người lao động chịu				
			BHXH	BHYT	BHTN	KPCĐ	Cộng	BHXH	BHYT	BHTN	Cộng	
			18%	3%	1%	2%		8%	1.5%	1%		
TK 642	46.370.000	41.195.000	7.415.100	1.235.850	411.950	823.900	9.886.800					9.886.800
TK 622	58.200.000	48.685.000	8.763.300	1.460.550	486.850	973.700	11.684.400					11.684.400
TK 334								7.190.400	1.348.200	898.800	9.437.400	9.437.400
Cộng	104.570.000	89.880.000	16.178.400	2.696.400	898.800	1.797.600	21.571.200	7.190.400	1.384.200	898.800	9.437.400	31.008.600

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

• **Ví dụ minh họa 3:**

Ngày 31.12 Công ty tính khấu hao tháng 12 từ đó lập Bảng tính và phân bổ khấu hao(Biểu 2.20), sau đó kế toán tiến hành ghi sổ Nhật Ký chung(Biểu số 2.21)

Biểu số 2.20: Bảng tính và phân bổ khấu hao

Công ty TNHH DV&VT Tùng Anh				Mẫu số: 06-TSCĐ		
Địa chỉ: Thôn Nam Bình,xã An Hưng.huyện An Dương, TP Hải Phòng				(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)		
TRÍCH BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO						
Tháng 12 năm 2016						
Đơn vị tính: VND						
STT	Chỉ tiêu	Thời gian sử dụng	Toàn doanh nghiệp		TK627	TK642
			Nguyên giá	Số khấu hao		
1	Số khấu hao trích tháng trước		3.151.000.000	43.763.889	42.079.222	1.666.667
2	Số khấu hao tăng tháng này			-	-	-
3	Số khấu hao giảm tháng này			-	-	-
4	Số khấu hao trích tháng này		3.151.000.000	43.763.889	42.079.222	1.666.667

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh)

Căn cứ vào các chứng từ liên quan: Hóa đơn GTGT 0000083(biểu 2.17), phiếu chi 12-25(biểu số 2.18), bảng phân bổ tiền lương(biểu 2.19), bảng phân bổ khấu hao(biểu số 2.20) kê toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.21)

Biểu số 2.21: Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH DV&VT Tùng Anh			Mẫu số: S03a-DN			
Địa chỉ: Thôn Nam Bình,xã An Hưng,huyện An Dương, TP Hải Phòng			(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính			
TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Tháng 12 năm 2016						
Đơn vị tính: VND						
NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
15/12	PC12-25 HĐ00000 83	15/12	Chi mua văn phòng phẩm	642	945.000	
				133	94.500	
				111		1.039.500
...
31/12	BPBL T12	31/12	Lương tháng 12 phải trả	622	58.200.000	
				642	46.370.000	
				334		104.570.000
31/12	BPBL T12	31/12	Tính các khoản trích theo lương	622	11.684.400	
				642	9.886.800	
				334	9.437.400	
				338		31.008.600
...
31/12	BKH	31/12	Tính khấu hao tháng 12	627	42.079.222	
				642	1.666.667	
				214		43.745.889
...
			Cộng lũy kế từ đầu năm		40.677.780.783	40.677.780.783

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung(biểu số 2.21), kê toán tiến hành ghi sổ cái TK642 (biểu số 2.22)

Biểu số 2.22: Trích sổ cái TK642**Công ty TNHH DV&VT Tùng Anh****Mẫu số: S03b-DN**Địa chỉ: Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện
An Dương, TP Hải Phòng**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính****TRÍCH SỔ CÁI**

Tháng 12 năm 2016

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: VND

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
...
15/12	PC12-25	15/12	Chi tiền mua văn phòng phẩm	111	945.000	
...
31/12	BPBLT 12	31/12	Tính lương tháng 12	334	46.370.000	
31/12	BPBLT 12	31/12	Tính các khoản trích theo lương	338	9.886.800	
31/12	BKHT 12	31/12	Tính khấu hao tháng 12	214	1.666.667	
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		1.055.831.007
			Cộng lũy kế từ đầu năm		1.055.831.007	1.055.831.007
			Số dư cuối năm			

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

2.2.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh.

* Chứng từ và sổ kế toán sử dụng

- Chứng từ sử dụng:

+ Giấy báo có

+ Các chứng từ có liên quan khác

- Sổ kế toán sử dụng:

+ Sổ Nhật ký chung

+ Sổ cái TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

* *Ví dụ minh họa 1:*


Ngày 31/12 nhận được lãi tiền gửi Ngân hàng, số tiền 41.070đ bằng chuyển khoản theo giấy báo có số 07124(biểu số 2.23)

• Định khoản:

Nợ TK 112: 41.070

Có TK 515: 41.070

Biểu số 2.23: Giấy báo có của ngân hàng Á Châu

 ASIA COMMERCIAL BANK	GIẤY BÁO CÓ Ngày 31/12/2016	Mã GDV: BTTA Mã KH: 28217 Số GD: 07124
Ngân hàng Á Châu Chi nhánh: ACB – Quán Toan		
Kính gửi: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI TÙNG ANH Mã số thuế: 0201300846		
Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:		
Số tài khoản ghi Có: 203643109		
Số tiền bằng số: 41.070		
Số tiền bằng chữ: Bốn mươi một nghìn, không trăm bảy mươi đồng./.		
Nội dung: Lãi tiền gửi.		
GIAO DỊCH VIÊN	KIỂM SOÁT	

(Nguồn: phòng kế toán Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

Căn cứ vào giấy báo có số 07124(Biểu số 2.23), kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung(Biểu số 2.24)

Biểu số 2.24:Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH DV&VT Tùng Anh			Mẫu số: S03a-DN			
Địa chỉ: Thôn Nam Bình,xã An Hưng,huyện An Dương, TP Hải Phòng			(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính			
TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Tháng 12 năm 2016						
Đơn vị tính: VND						
NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐU	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
31/12	BC 07124	31/12	Nhận lãi tiền gửi	112	41.070	
				515		41.070
			Cộng lũy kế từ đầu năm		40.677.780.783	40.677.780.783

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.24), kế toán tiến hành ghi sổ cái TK515 (biểu số 2.25).

Biểu số 2.25: Trích sổ cái TK515

Công ty TNHH DV & VT Tùng Anh			Mẫu số: S03b-DN			
Địa chỉ: Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện			(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC			
An Dương, Thành Phố Hải Phòng			ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính			
TRÍCH SỔ CÁI						
Tháng 12 năm 2016						
Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính						
Số hiệu: 515						
Đơn vị tính: VND						
NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
...
31/12	BC07124	31/12	Nhận lãi tiền gửi	112		41.070
31/12	PKT 19	31/12	Kết chuyển doanh thu, thu nhập	911	360.407	
			Cộng lũy kế từ đầu năm		360.407	360.407
			Số dư cuối năm			

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

2.2.3. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận Tải Tùng Anh.

Trong năm 2016, không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến Tài khoản 711, 811.

2.2.4. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận Tải Tùng Anh.

* Chứng từ sử dụng:

+ Phiếu kế toán

* Sổ kế toán sử dụng:

+ Sổ cái TK 911: “Kết quả kinh doanh”

+ Sổ cái TK 821: “Chi phí thuế TNDN”

+ Sổ cái TK 421: “Lợi nhuận chưa phân phối”

* **Ví dụ minh họa:**

Ngày 31/12: Các bút toán kết chuyển cuối năm 2016, căn cứ vào số liệu trên Sổ cái TK 511, TK 515 kế toán tiến hành lập phiếu kế toán số 19(biểu số 2.26) để kết chuyển doanh thu, thu nhập.

Biểu số 2.26. Phiếu kế toán số 19**Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh**

Địa chỉ: Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, Thành Phố Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN**Số: 19****Ngày 31 tháng 12 năm 2016**

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	4.784.901.466
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	360.407
	Cộng			4.785.261.873

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

Căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK 632(biểu số 2.16), TK642(biểu số 2.22) kế toán tiến hành lập phiếu kế toán số 20(biểu số 2.27) để kết chuyển chi phí

Biểu số 2.27: Phiếu kế toán số 20

Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh

Địa chỉ: Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, Thành Phố Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 20

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	3.639.527.555
2	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	1.055.831.007
	Cộng			4.695.358.562

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 19 và Phiếu kế toán số 20 kế toán ghi vào sổ nhật chung (Biểu số 2.31)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán ghi sổ cái TK511 (Biểu số 2.10), sổ cái TK515 (Biểu số 2.25), sổ cái TK 632 (Biểu số 2.16), Sổ cái TK 642 (Biểu số 2.22), sổ cái TK 911 (Biểu số 2.32)

Căn cứ vào sổ cái TK 911 kế toán tiến hành lập Phiếu kế toán số 21 (Biểu số 2.28) phản ánh thuế TNDN phải nộp

Biểu số 2.28: Phiếu kế toán số 21

Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh				
Địa chỉ: Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, Thành Phố Hải Phòng				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Số: 21				
Ngày 31 tháng 12 năm 2016				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Thuế TNDN phải nộp năm 2016	821	3334	17.980.663
	Cộng			17.980.663
Người lập (Ký, họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh)

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 21, kế toán tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.31)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán ghi sổ cái TK821 (Biểu số 2.33)
Căn cứ vào sổ cái TK 821, kế toán lập Phiếu kế toán số 22 (Biểu số 2.29) phản ánh việc kết chuyển chi phí thuế năm 2016.

Biểu số 2.29. Phiếu kế toán số 22

Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh				
Địa chỉ: Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, Thành Phố Hải Phòng				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Số: 22				
Ngày 31 tháng 12 năm 2016				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	17.980.663
	Cộng			17.980.663
Người lập		Kế toán trưởng		
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh)

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 22, kế toán tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.31)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK821 (Biểu số 2.33), Tài khoản 911 (Biểu số 2.32)

Căn cứ vào sổ cái TK 911 kế toán lập phiếu kế toán số 23 (Biểu số 2.30) phản ánh kết chuyển lợi nhuận sau thuế.

Biểu số 2.30. Phiếu kế toán số 23

Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh				
Địa chỉ: Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, Thành Phố Hải Phòng				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Số: 23				
Ngày 31 tháng 12 năm 2016				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế năm 2016	911	421	71.922.648
	Cộng			71.922.648
Người lập (Ký, họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh)

Căn cứ vào Phiếu kế toán số 23, Kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.31)

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK911 (Biểu số 2.32), sổ cái TK421 (Biểu số 2.34)

Căn cứ vào các sổ cái, Kế toán lập Bảng cân đối tài khoản (Biểu số 2.35) và bảng Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2016 (Biểu số 2.36)

Biểu số 2.31: Trích sổ nhật ký chung

Công ty TNHH DV&VT Tùng Anh			Mẫu số: S03a-DN			
Địa chỉ: Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng			(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)			
TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
Tháng 12 năm 2016						
Đơn vị tính: VND						
NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu, thu nhập	511	4.784.901.466	
				515	360.407	
				911		4.785.261.873
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển chi phí kinh doanh	911	4.695.358.562	
				632		3.639.527.555
				642		1.055.831.007
31/12	PKT21	31/12	Thuế TNDN phải nộp	821	17.980.663	
				3334		17.980.663
31/12	PKT22	31/12	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp	911	17.980.663	
				821		17.980.663
31/12	PKT23	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	71.922.648	
				421		71.922.648
			Cộng lũy kế từ đầu năm		40.677.780.783	40.677.780.783

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh)

Biểu số 2.32. Trích sổ cái TK911**Công ty TNHH DV&VT Tùng Anh****Mẫu số: S03b-DN****Địa chỉ: Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, Thành Phố Hải Phòng** (Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**TRÍCH SỔ CÁI****Tháng 12 năm 2016****Tên tài khoản: Kết quả kinh doanh****Số hiệu: 911****Đơn vị tính: VND**

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
31/12	PKT19	31/12	Kết chuyển doanh thu, bán hàng	511		4.784.901.466
			Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		360.407
31/12	PKT20	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	3.639.527.555	
			Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	1.055.831.007	
31/12	PKT22	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	17.980.663	
31/12	PKT23	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	421	71.922.648	
			Cộng lũy kể từ đầu năm		4.785.261.873	4.785.261.873
			Số dư cuối năm			

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh)

Biểu số 2.33: Trích sổ cái TK821**Công ty TNHH DV&VT Tùng Anh****Mẫu số: S03b-DN**

Địa chỉ: Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, Thành Phố Hải Phòng (Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

TRÍCH SỔ CÁI**Tháng 12 năm 2016****Tên tài khoản: Thuế TNDN****Số hiệu: 821****Đơn vị tính: VND**

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			
			Số phát sinh			
31/12	PKT21	31/12	Thuế TNDN phải nộp	3334	17.980.663	
31/12	PKT22	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		17.980.663
			Cộng lũy kế từ đầu năm		17.980.663	17.980.663
			Số dư cuối năm			

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh)

Biểu số 2.34: Trích sổ cái TK421**Công ty TNHH DV&VT Tùng Anh****Mẫu số: S03b-DN**

Địa chỉ: Thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, Thành Phố Hải Phòng (Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

TRÍCH SỔ CÁI**Tháng 12 năm 2016****Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối****Số hiệu: 421****Đơn vị tính: VND**

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm			69.262.145
			Số phát sinh			
31/12	PKT23	31/12	Lợi nhuận sau thuế năm 2016	911		71.922.648
			Cộng lũy kế từ đầu năm			141.184.793
			Số dư cuối năm			141.184.793

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh)

Biểu số 2.35. Trích bảng cân đối số phát sinh

Công ty TNHH DV&VT Tùng Anh

Mẫu số: S06-DN

Địa chỉ: thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An Dương, TP Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**TRÍCH BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH**

Năm 2016

SH TK	Tên TK	SDDK		SPS trong kỳ		SDCK	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
...
421	Lợi nhuận chưa phân phối		69.262.145	71.992.64	71.922.648		141.184.793
511	Doanh thu BH và CCDV			4.784.901.466	4.784.901.466		
515	Doanh thu hoạt động tài chính			360.407	360.407		
632	Giá vốn hàng bán			3.639.527.555	3.639.527.555		
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp			1.055.831.007	1.055.831.007		
821	Chi phí thuế TNDN			17.980.663	17.980.663		
911	Xác định kết quả kinh doanh			4.785.261.873	4.785.261.873		
	Tổng	4.603.179.499	4.603.179.499	40.677.780.783	40.677.780.783	3.921.157.895	3.921.157.895

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

Biểu số 2.36: Bảng báo cáo kết quả kinh doanh

Công ty TNHH DV&VT Tùng Anh
Địa chỉ: thôn Nam Bình, xã An Hưng, huyện An
Dương, TP Hải Phòng

Mẫu số: B02-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014-
BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1	Doanh thu BH và cung cấp dịch vụ	01		4.784.901.466	4.129.163.525
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		4.784.901.466	4.129.163.525
4	Giá vốn hàng bán	11		3.639.527.007	3.063.456.973
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.145.373.911	1.065.706.552
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		360.407	327.632
7	Chi phí tài chính	22		0	27.799.217
	- Trong đó: chi phí lãi vay	23		0	27.799.217
8	Chi phí bán hàng	24		0	0
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.055.831.007	976.474.802
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-(22+24+25))	30		89.903.311	61.760.165
11	Thu nhập khác	31		0	0
12	Chi phí khác	32		0	0
13	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		0	0
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		89.903.311	61.760.165
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		17.980.663	12.352.033
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		71.922.648	49.408.132
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh)

CHƯƠNG 3.**MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI TÙNG ANH.****3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh.****3.1.1. Ưu điểm**

- Về công tác quản lý:

+ Bộ máy quản lý gọn nhẹ giúp công ty hoạt động dễ dàng và nhanh chóng hơn. Ban lãnh đạo công ty luôn quan tâm và động viên cán bộ trong công ty rèn luyện về đạo đức, tinh thần cũng như kỹ năng nghiệp vụ, khuyến khích họ đoàn kết phấn đấu đi lên.

+ Đội ngũ cán bộ công nhân viên năng động, ham học hỏi, có tình độ và bộ máy lãnh đạo có năng lực, luôn quan tâm đến cán bộ nhân viên trong công ty.

- Về công tác kế toán:

+ Bộ máy kế toán của công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung. Việc áp dụng mô hình này rất phù hợp với đặc điểm ngành nghề, đặc điểm tổ chức quản lý cũng như quy mô kinh doanh của công ty.

+ Toàn bộ công việc ghi sổ, lập báo cáo đều được thực hiện ở phòng kế toán. Như vậy, kế toán trưởng sẽ dễ dàng hơn trong việc theo dõi, kiểm tra, đôn đốc công việc của các kế toán viên, kịp thời sửa chữa những thiếu sót trong việc hạch toán và ghi sổ kế toán.

+ Các kế toán viên thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu nhằm đảm bảo thông tin chính xác cho kết quả hoạt động cuối cùng. Từ đó, ban Giám đốc công ty cũng như các đối tượng có liên quan như ngân hàng, cơ quan thuế, đối tác kinh doanh, nhà cung ứng,... sẽ có được thông tin mang tính xác thực cao, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán:

+ Hiện nay công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh đang áp dụng hình thức Nhật ký chung. Hình thức này khá đơn giản về quá trình hạch toán và số lượng sổ sách kế toán sử dụng phù hợp với quy mô công ty, đặc điểm hoạt động kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ kế toán viên. Đồng thời, các nghiệp vụ

kinh tế phát sinh được phản ánh, theo dõi theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên và đầy đủ.

+ Hệ thống chứng từ của công ty được luân chuyển và lưu trữ một cách hợp lý và khoa học. Sổ sách của công ty được ghi chép đầy đủ rõ ràng.

- *Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:*

+ *Về tổ chức kế toán doanh thu:* Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ, là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

+ *Về tổ chức kế toán chi phí:* Chi phí kinh doanh là một vấn đề hầu hết các doanh nghiệp quan tâm hàng đầu và luôn tìm cách để quản lý chi phí một cách chặt chẽ nhằm tránh tình trạng chi không, lãng phí, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Vì vậy mà mọi chi phí phát sinh tại công ty đều được kiểm soát một cách chặt chẽ.

+ *Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh:* Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo công ty về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác tình hình kinh doanh của công ty.

3.1.2. Hạn chế

+ Công ty vẫn chưa hạch toán chi tiết doanh thu – chi phí nhằm theo dõi doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp cho từng mặt hàng.

+ Công ty vẫn chưa áp dụng chiết khấu thanh toán. Đây là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán trước thời hạn trong hợp đồng. Áp dụng mức chiết khấu thanh toán sẽ kích thích khách hàng thanh toán trước hạn, làm tăng khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp.

+ Công ty vẫn chưa sử dụng phần mềm cho công tác kế toán: ứng dụng những thành tựu của khoa học công nghệ giúp cho công tác kế toán nhanh chóng và chính xác hơn. Tuy nhiên tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh, mặc dù đã sử dụng máy tính để lưu trữ, số liệu nhưng vẫn chỉ là thực hiện phần mềm thông thường như Word, Excel mà không sử dụng phần mềm kế toán như MISA, Gama, Fast Accounting,...

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh.

+ Trong cơ chế thị trường hiện nay, với sự khuyến khích mở cửa của Nhà nước đã xuất hiện không ít những doanh nghiệp tham gia vào các lĩnh vực kinh doanh khác nhau. Để quản lý tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, có nhiều công cụ khác nhau trong đó kế toán là một công cụ hữu hiệu trong nền kinh tế thị trường đầy rủi ro và tính cạnh tranh cao, mang lại nhiều lợi nhuận và tiết kiệm chi phí nhất đến mức có thể.

+ Mặt khác, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh chưa thực sự được hoàn thiện, vẫn còn tồn tại nhiều thiếu sót khiến các hoạt động của doanh nghiệp chưa phát huy hết được hiệu quả tối đa. Bởi vậy việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng là hết sức cần thiết.

+ Công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh hiệu quả sẽ giúp cho doanh nghiệp quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hóa và sử dụng các khoản chi phí, đồng thời giúp nhà quản lý nắm bắt được tình hình tài chính cũng như tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kì một cách chính xác và kịp thời. Từ đó giúp nhà quản lý xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển doanh nghiệp và quyết định đầu tư đúng đắn, đưa doanh nghiệp ngày càng phát triển bền vững.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh phải đảm bảo được các yêu cầu sau:

- Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra.

- Đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả thiết thực, khả thi.

- Đảm bảo nguyên tắc thống nhất về hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán cũng như giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh.

- Đảm bảo thực hiện đúng chế độ kế toán nhà nước ban hành.

Để hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh, doanh nghiệp cần tìm các biện pháp để khắc phục những hạn chế, thiếu sót đồng thời phát huy những ưu điểm đạt được trong công tác hạch toán.

3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh.

3.4.1. Kiến nghị 1: Trích trước chi phí sắm lốp

Chi Phí sắm lốp xe bao gồm Chi Phí mua, sửa chữa sắm lốp. Đây là 1 khoản Chi Phí phát sinh 1 kỳ với số tiền lớn nhưng lại mang quan đến nhiều kỳ, vì thế khoản Chi Phí này sẽ tiến hành trích trước. và được theo dõi trên bảng phân bổ cuối kỳ tiến hành trích và phân bổ

*Cách xác định như sau:

$$\text{Số tiền trích trước} = \frac{\text{Tổng số tiền mua, sửa sắm lốp}}{\text{Số tháng sử dụng ước tính (thường là 1 năm)}}$$

* Kế toán sử dụng tài khoản 335 – Chi phí phải trả để hạch toán nghiệp vụ trích trước chi phí sắm lốp

Kết cấu TK 335:

Nợ	TK 335	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản chi trả thực tế phát sinh đã được tính vào chi phí phải trả - Số chênh lệch về chi phí phải trả lớn hơn số chi phí thực tế được ghi giảm chi phí 	<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí phải trả dự tính trước và ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh. 	<p>Số dư bên Có: Chi phí phải trả đã tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh nhưng thực tế chưa phát sinh</p>

3.4.2. Kiến nghị 2: Ứng dụng công nghệ thông tin

- *Lý do kiến nghị:* Hiện tại Công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh vẫn đang sử dụng Word, Excel trong công tác kế toán song nó vẫn chưa phải là phần mềm tối ưu nhất dẫn đến việc tìm kiếm, quản lý dữ liệu, thực hiện phần hành kế toán của Công ty mất rất nhiều thời gian và tốn nhiều nhân lực cho công

việc của phòng kế toán.

- *Mục tiêu giải pháp*: Tiết kiệm thời gian, giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán, tạo điều kiện cho việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời

- *Cách thức tiến hành giải pháp*: Công ty nên mua một số phần mềm kế toán hiệu quả đang có mặt trên thị trường: Misa, Vacom, Fast....

- Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015

Thông tin phần mềm: MISA SME.NET 2015 là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán. MISA

SME.NET 2015 phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại; Dịch vụ; Xây lắp; Sản xuất.

Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục Thuế. Kết nối với dịch vụ kê khai thuế qua mạng MTAX.VN để nộp báo cáo trực tiếp đến cơ quan Thuế.

Giao diện phần mềm:



Hình 3.1: Giao diện phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015

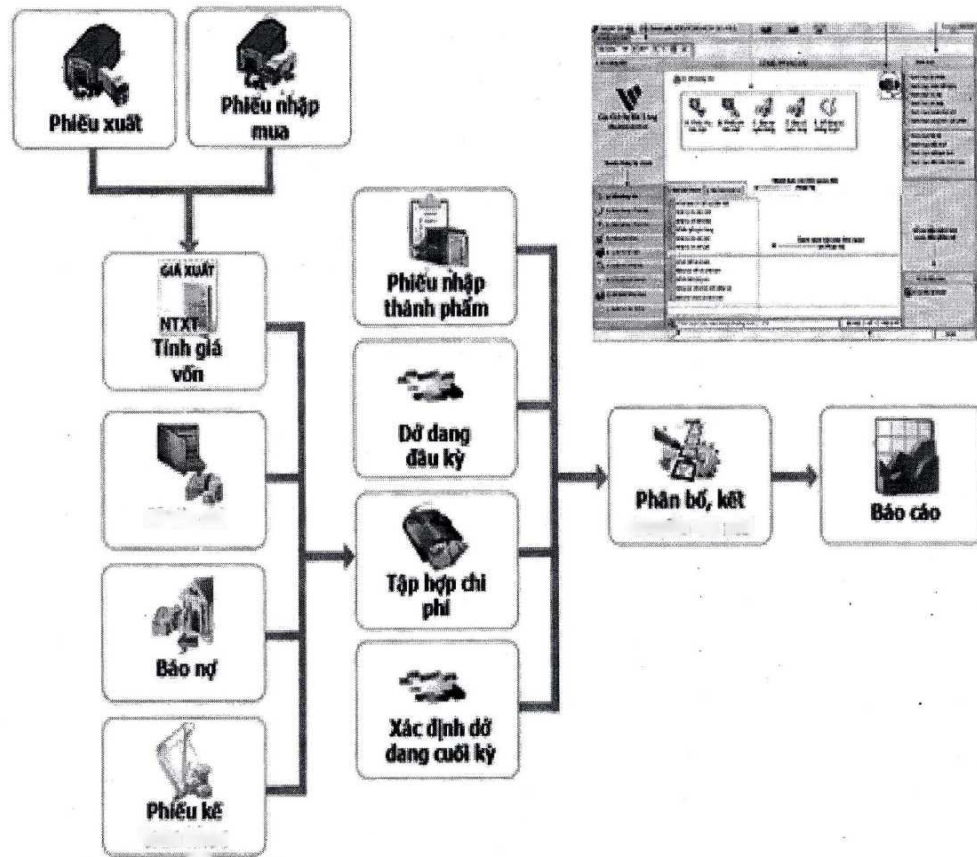
- Thông tin về giá cả các gói sản phẩm là:

Gói sản phẩm	Đơn giá	Mô tả
Express	Miễn phí	Đầy đủ 16 phân hệ, số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 150 chứng từ/năm.
Starter	2.950.000 đồng	Đầy đủ 16 phân hệ, số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 150 chứng từ/năm.
Standard	6.950.000 đồng	Gồm 11 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.
Professional	8.950.000 đồng	Gồm 13 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.
Enterprise	10.950.000 đồng	Đầy đủ 16 phân hệ, không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng.

- Thông tin đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần Misa (MISA JSC).

Liên hệ: www.misa.com.vn.

- Phần mềm kế toán VACOM



Hình 3.2. Giao diện phần mềm kế toán máy VACOM

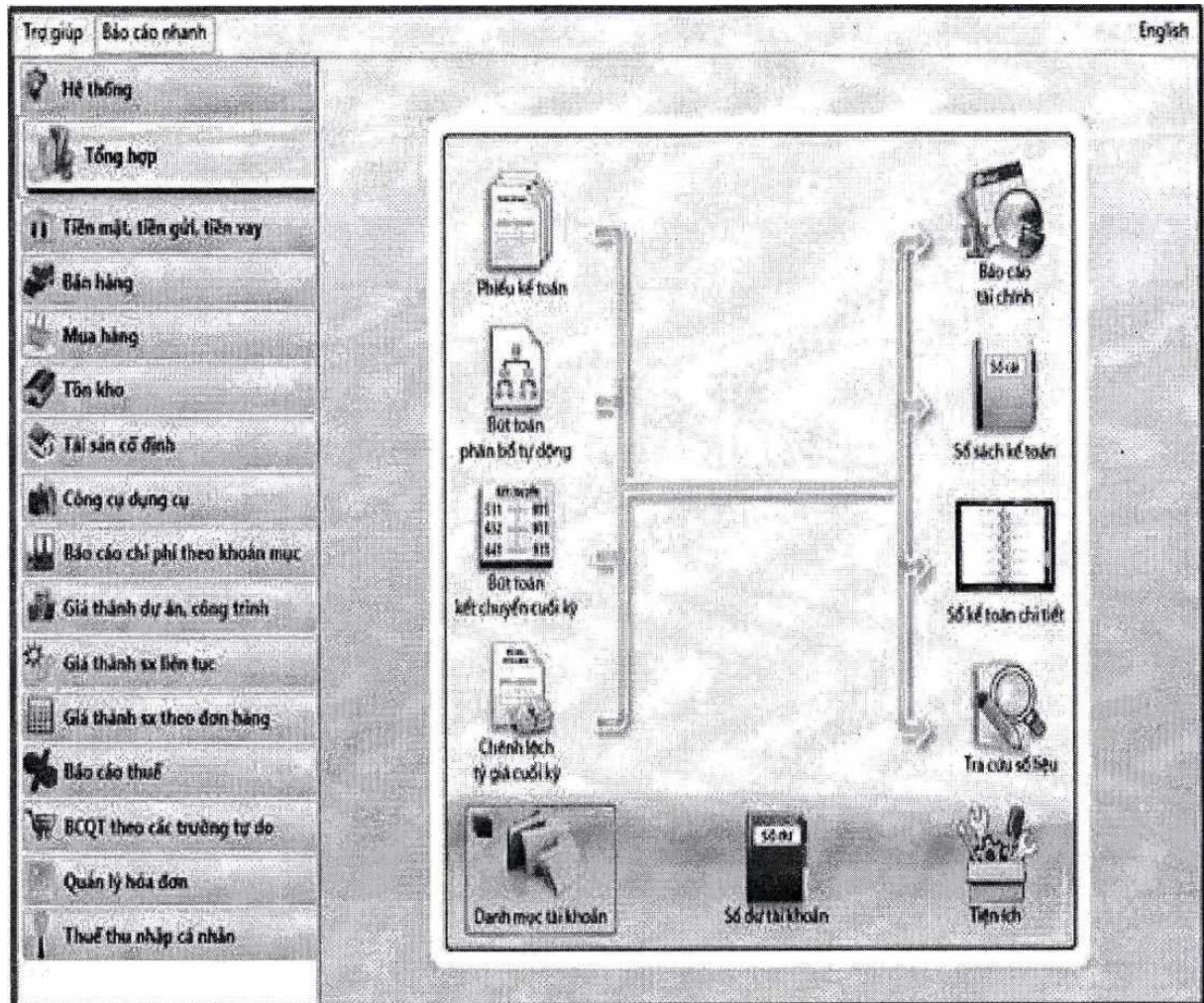
- Thông tin về gói sản phẩm, thông tin về giá cả: liên hệ đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần công nghệ phần mềm kế toán VACOM.

Website: www.vacom.com.vn

- Phần mềm Kế toán Fast accounting

Thông tin phần mềm. Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ với 4 phiên bản đáp ứng cho các loại hình doanh nghiệp: dịch vụ, thương mại, xây lắp, sản xuất....

Giao diện phần mềm



Hình 3.3: Giao diện phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING 2015

- Thông tin về giá cả: Giá phần mềm kế toán FAST Accounting 10.0 dành cho loại hình doanh nghiệp thương mại là: 8.000.000 đồng.

Thông tin đơn vị cung cấp phần mềm: Công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp FAST. Liên hệ: www.fast.com.vn

-*Hiệu quả mang lại do thực hiện giải pháp:* Khi sử dụng phần mềm kế toán, việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính được nhanh chóng, chính xác, kịp thời, tiết kiệm được thời gian, chi phí và sức lao động, nâng cao hiệu quả công việc. Các dữ liệu được lưu trữ và bảo quản thuận lợi, an toàn và chuyên nghiệp hơn

3.4.3. Kiến nghị 3: Mở sổ chi tiết Doanh thu, chi phí kinh doanh phục vụ xác định kết quả kinh doanh theo từng hàng hóa, dịch vụ.

- Hệ thống sổ kế toán tại mỗi công ty đều có vai trò rất quan trọng. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty chỉ thực sự có hiệu quả khi có một hệ thống sổ kế toán phù hợp với quy mô, quy trình kinh doanh và mục đích quản trị tại công ty. Một hệ thống sổ kế toán hoàn thiện nên bao gồm cả hệ thống sổ tổng hợp và sổ chi tiết.

- Tuy nhiên khi hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh mới chỉ ghi sổ Nhật ký chung và Sổ Cái. Để hoàn thiện hơn hệ thống sổ kế toán tại công ty, kiến nghị công ty nên lập các sổ chi tiết để tiện theo cho các khoản doanh thu và chi phí, đồng thời cũng nắm rõ được tình hình phát sinh, tăng giảm của từng loại doanh thu, chi phí. Từ đó, giúp cho ban lãnh đạo công ty có những giải pháp cụ thể để quản lý và điều hành công ty một cách hiệu quả hơn.

- Đề xuất 2 mẫu sổ: Sổ chi tiết bán hàng (biểu số 3.1) và Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (biểu số 3.2).

Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị:
Địa chỉ:

Mẫu số S35-DN
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014
của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):

Năm:

Quyển số:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Cộng số phát sinh						
			Doanh thu thuần						
			Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						

- Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang...

Ngày ... tháng ... năm...

- Ngày mở sổ: ...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

**Kế toán
trưởng**

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu số 3.2: Sổ chi phí kinh doanh

Đơn vị:

Mẫu số S36-DN

Địa chỉ:

**(Ban hành theo Thông tư
200/2014/BTC ngày 22/12/2014 của
Bộ trưởng BTC)****SỔ CHI PHÍ KINH DOANH**

(Dùng cho các TK 154, 631, 642, 142, 242, 632)

Tài khoản:

Tên phân xưởng:

Tên sản phẩm dịch vụ:

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi nợ TK					
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng	Chia ra				
					
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
			Số dư đầu kỳ Số phát sinh trong kỳ							
			Cộng số phát sinh trong kỳ							
			Ghi có TK							
			Số dư cuối kỳ							

Sổ này có ... trang, đánh từ trang 01 đến trang...

Ngày ... tháng ... năm...

Ngày mở sổ: ...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

3.4.4. Kiến nghị 4: Tiền lương căn cứ trích các khoản theo lương cho người lao động.

Hiện nay, công ty TNHH dịch vụ và vận tải Tùng Anh đã thực hiện trích các khoản chế độ cho người lao động. Tuy nhiên, công ty chỉ trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo lương tối thiểu vùng. Vì vậy, kiến nghị công ty nên trích các khoản trích theo lương cho người lao động đúng theo quy định của nhà nước.

Theo quy định, doanh nghiệp trả lương cho người lao động theo chế độ tiền lương do chủ doanh nghiệp quyết định thì tiền lương làm căn cứ trích các khoản theo lương là tiền lương ghi trong hợp đồng lao động.

Nếu thực hiện đúng theo quy định của nhà nước thì Bảng trích các khoản theo lương được thể hiện như biểu 3.1. Khi đó tổng số tiền trích theo lương (theo tỷ lệ 34.5%) là 36.076.650đ

Biểu số 3.3: Bảng trích các khoản theo lương Hợp đồng

Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh
BẢNG TRÍCH CÁC KHOẢN THEO LƯƠNG THÁNG 12 NĂM 2016

TT	Họ tên	CD	Lương đóng bảo hiểm	Người lao động chịu				Người sử dụng lao động chịu					Tổng trích (34,5%)
				BHXH (8%)	BHYT (1.5%)	BHTN (1%)	Cộng	BHXH (18%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	KPCĐ (2%)	Cộng	
Bộ phận Quản lý			46.370.000	3.709.600	695.550	463.700	4.868.850	8.346.600	1.391.100	463.700	927.400	11.128.800	15.997.650
1	Nguyễn Thị Kim Oanh	KT	5.500.000	440.000	82.500	55.000	577.500	990.000	165.000	55.000	110.000	1.320.000	1.897.500
2	Lê Kim Xuyên	KT	4.500.000	360.000	67.500	45.000	472.500	810.000	135.000	45.000	90.000	1.080.000	1.552.500
3	Nguyễn Thị Hằng	NS	5.000.000	400.000	75.000	50.000	525.000	900.000	150.000	50.000	100.000	1.200.000	1.725.000
	...												
Bộ phận Lái xe			58.200.000	4.656.000	873.000	582.000	6.111.000	10.476.000	1.746.000	582.000	1.164.000	13.968.000	20.079.000
	...												
11	Phùng Văn Tài	LX	7.000.000	560.000	105.000	70.000	735.000	1.260.000	210.000	70.000	140.000	1.680.000	2.415.000
12	Nguyễn Văn Đạt	LX	7.000.000	560.000	105.000	70.000	735.000	1.260.000	210.000	70.000	140.000	1.680.000	2.415.000
13	Nguyễn Văn Hùng	LX	7.000.000	560.000	105.000	70.000	735.000	1.260.000	210.000	70.000	140.000	1.680.000	2.415.000
	...												
Tổng cộng			104.570.000	8.365.000	1.568.550	1.045.700	10.979.850	18.820.600	3.137.100	1.045.700	2.091.400	25.096.800	36.076.650

Người lập biểu

Giám đốc

3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh.

3.5.1. Về phía Nhà nước

- Có chính sách hỗ trợ Doanh nghiệp để khuyến khích doanh nghiệp hoàn thiện và phát triển tổ chức kế toán
- Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng, có tính bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ.

3.5.2. Về phía doanh nghiệp

- Tổ chức công tác kế toán tài chính phải tuân thủ các quy định của pháp luật, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy mô của doanh nghiệp.
- Tổ chức công tác kế toán tài chính phải thực hiện tốt các chỉ tiêu kế toán tài chính, quản lý và sử dụng tiền vốn, thực hiện tiết kiệm chống lãng phí, có các biện pháp tích cực thu hồi công nợ, nắm bắt khả năng thanh toán của các đơn vị khách hàng nhằm ngăn ngừa tình trạng thất thoát tiền vốn để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
 - Không ngừng cải tiến để bộ máy kế toán ngày càng hoàn thiện hơn.
 - Doanh nghiệp cần tạo lập mối quan hệ bền vững với khách hàng. Đây là yếu tố quyết định việc bình ổn doanh thu trong doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác và kịp thời sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị, giúp doanh nghiệp đứng vững trên thị trường. Từ đó, các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn và mở rộng sản xuất kinh doanh tăng thu nhập.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Dịch Vụ và Vận Tải Tùng Anh cùng với những kiến thức đã được học tại trường đã giúp em nhận thức được vai trò quan trọng của công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Trong quá trình thực tập tại công ty được sự quan tâm giúp đỡ của ban lãnh đạo, đặc biệt là các cán bộ phòng kế toán trong công ty đã giúp em học hỏi được rất nhiều về thực hành kế toán.

Bài viết đã đưa ra được một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh như:

- Kiến nghị về việc áp dụng phần mềm kế toán
- Kiến nghị về tiền lương căn cứ trích các khoản theo lương cho người lao động.
- Kiến nghị về việc mở sổ chi tiết Doanh thu, chi phí kinh doanh phục vụ xác định kết quả kinh doanh theo từng loại hàng hóa, dịch vụ.

Nội dung của đề tài khóa luận này là rộng và phức tạp, đòi hỏi phải có những kinh nghiệm thực tiễn. Với trình độ còn hạn chế, thời gian thực tập và nghiên cứu không nhiều do vậy bài làm của em không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự góp ý từ phía các thầy, cô.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo Th.s Nguyễn Đức Kiên và phòng Kế toán Công ty TNHH Dịch vụ và Vận tải Tùng Anh đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (Năm 2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) — Hệ thống tài khoản kế toán*, NXB Giao thông vận tải.
2. Bộ Tài chính (Năm 2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) - Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ sách kế toán, sơ đồ kế toán*, NXB Giao thông vận tải
3. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2006), *Kế toán tài chính*, NXB Thống kê.
4. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2011), *Nguyên lý kế toán*, NXB Lao động xã hội.